

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2010/QĐ-UBND

Đông Hà, ngày 11 tháng 3 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc Ban hành Kế hoạch Quản lý rủi ro
thiên tai tổng hợp Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 08 tháng 3 năm 1993 và Pháp lệnh Bổ sung, sửa đổi một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão được Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Căn cứ Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 82/TTr-SNN ngày 02 tháng 02 năm 2010 về việc Đề nghị phê duyệt Kế hoạch Quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản “Kế hoạch Quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020”.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh làm cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện và đánh giá quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch Quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Giám đốc các Sở, thủ trưởng các Ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan đơn vị, Chủ tịch UBND và Trưởng ban Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn các huyện, thị xã, thành phố và các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Đức Cường**

DỰ ÁN QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI**KẾ HOẠCH
QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI TỔNG HỢP
TỈNH QUẢNG TRỊ ĐẾN NĂM 2020**

Các từ viết tắt

ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
CSHT	Cơ sở hạ tầng
IDA	Hiệp hội Phát triển quốc tế
PCLB	Phòng, chống lụt bão
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TKCN	Tìm kiếm cứu nạn
UBND	Ủy ban nhân dân
WB	Ngân hàng thế giới

PHỤ LỤC

Các từ viết tắt	
1. Giới thiệu	
2. Bối cảnh chung về thiên tai tại tỉnh	
2.1. Về bão lụt	
2.2. Về hạn hán và gió Tây- Nam khô nóng (Gió Lào)	
2.3. Đánh giá chung	
3. Các nguyên tắc quản lý rủi ro thiên tai	
3.1. Tổ chức thể chế	
3.2. Yêu cầu, trách nhiệm và nhận thức cộng đồng	
3.3. Các giai đoạn trong quản lý thiên tai	
3.4. Các loại hình rủi ro đối với cộng đồng	
3.5. Các giải pháp quản lý	
3.6. Đầu tư	
3.7. Cam kết quốc tế	
4. Giải pháp chung và mục tiêu của quản lý rủi ro thiên tai	
4.1. Mục tiêu	

4.1.1. Mục tiêu chung	
4.1.2. Mục tiêu cụ thể	
4.2. Giải pháp chung	
5. Giải pháp Quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp	
5.1. Giải pháp công trình	
5.1.1. Đối với bão	
5.1.2. Đối với lũ lụt	
5.1.3. Sạt lở bờ sông	
5.1.4. Úng lụt (lũ nội đồng)	
5.1.5. Hạn hán	
5.1.6. Lũ quét	
5.1.7. Lốc tố	
5.1.8. Thiên tai khác	
5.2. Giải pháp phi công trình	
5.2.1. Đối với bão	
5.2.2. Đối với lũ lụt	
5.2.3. Sạt lở bờ sông	
5.2.4. Úng lụt (Lũ nội đồng)	
5.2.5. Hạn hán	
5.2.6. Lũ quét	
5.2.7. Lốc tố	
5.2.8. Thiên tai khác	
5.3. Các giải pháp khẩn cấp	
6. Kế hoạch thực hiện	
6.1. Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh	
6.2. Đối với các Sở, Ban, ngành	
6.3. Đối với các địa phương	
7. Đánh giá thực hiện	
7.1. Xác định tiêu chí đánh giá	
7.2. Phân định thời kỳ đánh giá	
7.3. Biện pháp tổ chức thực hiện việc đánh giá	

8. Kết luận

1. Giới thiệu

Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2007 là một văn bản pháp lý quan trọng để căn cứ vào đó các cấp, các ngành trong cả nước thực hiện. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Quảng Trị đã tiến hành xây dựng chương trình, kế hoạch hành động riêng của tỉnh trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; chương trình, kế hoạch của tỉnh thể hiện tầm nhìn tổng quát đối với các mục tiêu, nội dung và đề ra các nhiệm vụ và các giải pháp phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của tỉnh.

Những năm gần đây, thiên tai xảy ra ngày càng nhiều hơn, nguy hiểm và khó lường hơn. Thêm vào đó, hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu làm trái đất nóng lên, băng tan và nước biển dâng cũng có xu hướng gây nên những ảnh hưởng khá lớn về mọi mặt đối với Việt Nam nói chung và Quảng Trị nói riêng.

Để triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia và chương trình, kế hoạch hành động của tỉnh có hiệu quả, đúng mục tiêu, nội dung đề ra và phù hợp với tình hình thiên tai, biến đổi khí hậu hiện nay nhất thiết phải xây dựng được một kế hoạch chi tiết về quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp cấp tỉnh. Trong kế hoạch phải đưa ra được những mục tiêu ưu tiên hàng đầu, cấp bách nhất hiện nay trên địa bàn tỉnh để có định hướng chính xác và đầu tư có hiệu quả giúp tỉnh phát triển về kinh tế xã hội bền vững và giảm nhẹ tối đa thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh.

Một thuận lợi cho tỉnh đó là Hiệp hội Phát triển quốc tế (IDA) thuộc WB cho vay khoản tín dụng số 4114-VN nhằm hỗ trợ Chính phủ Việt Nam thực hiện Dự án Quản lý rủi ro thiên tai bao gồm 04 hợp phần và Quảng Trị là một trong số các tỉnh được WB quan tâm đầu tư, hỗ trợ. Trong khuôn khổ hợp phần 4 (Tăng cường thể chế và xây dựng năng lực), một trong những hoạt động chính ở cấp tỉnh là xây dựng kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp nhằm giúp tỉnh quản lý và đầu tư có hiệu quả trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

Cần khẳng định rằng, kế hoạch này không phủ nhận hay bao trùm tất cả “Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của tỉnh” mà chỉ dựa trên cơ sở chương trình, kế hoạch hành động của tỉnh để triển khai thực hiện nhằm đưa ra những định hướng chính, những vấn đề ưu tiên cấp bách nhất, những nhu cầu khẩn thiết mà tỉnh cần triển khai thực hiện trong thời gian tới để tăng cường khả năng phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại tối đa do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh. Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp cấp tỉnh bao gồm các phần sau:

Phần 1: Giới thiệu.

Phần 2: Bối cảnh chung về thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Phần 3: Các nguyên tắc quản lý rủi ro thiên tai.

Phần 4: Giải pháp chung và mục tiêu của quản lý rủi ro thiên tai.

Phần 5: Giải pháp quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp.

Phần 6: Kế hoạch thực hiện

Phần 7: Đánh giá thực hiện

Phần 8: Kết luận.

2. Bối cảnh chung về thiên tai tại tỉnh

Quảng Trị là tỉnh có đặc điểm về khí hậu và địa hình rất phức tạp. Là nơi chịu ảnh hưởng của hầu hết các loại thiên tai thường xảy ra ở Việt Nam nhưng với tần suất cao hơn và mức độ ác liệt hơn như bão, áp thấp nhiệt đới (ATNĐ), lũ lụt, lũ quét, hạn hán, lốc tố, dông sét, sạt lở đất, sụt lún đất, úng hạn, xâm nhập mặn, triều cường,... trong đó nhiều nhất là bão, lũ lụt, hạn hán, lốc xoáy và sạt lở đất. Bản đồ số 06 trong atlas bản đồ mô tả phân bố về mặt không gian của các khu vực chịu ảnh hưởng mạnh của các loại hình thiên tai này tại tỉnh Quảng Trị. Khí hậu Quảng Trị chia làm hai mùa rõ rệt, mùa khô chịu ảnh hưởng của gió Tây- Nam khô nóng, hạn hán và xâm nhập mặn từ tháng 3 đến tháng 8, mùa mưa chịu ảnh hưởng lớn của bão, lũ lụt, rét hại từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau. Bão, lụt thường xảy ra từ tháng 9 đến giữa tháng 12 hàng năm, tập trung nhiều nhất vào các tháng 10, 11. Khi bão, ATNĐ xảy ra kèm theo mưa lớn, triều cường dâng cao gây ngập lụt ở đồng bằng, lũ quét ở miền núi và vùng gò đồi. Các hình thái thiên tai khác như lũ tiểu mãn (Gây ngập úng) xảy ra từ tháng 4 đến tháng 6 hàng năm; Lốc xoáy, dông sét, mưa đá, sạt lở đất, ... xảy ra quanh năm.

2.1. Về bão lụt

Trong những năm qua, Quảng Trị chịu ảnh hưởng lớn của thiên tai, bão lụt với tần suất ngày càng nhiều hơn, cường độ lớn hơn, gây thiệt hại rất lớn đến tính mạng và tài sản của nhân dân và nhà nước, ảnh hưởng mọi mặt về tình hình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

a) Về bão: Theo số liệu thống kê trong 98 năm có 75 cơn bão đổ bộ vào khu vực Bình Trị Thiên, bình quân 0,8 cơn bão/năm ảnh hưởng trực tiếp đến Quảng Trị, có năm không có bão, nhưng lại có năm liên tiếp 2- 3 cơn bão đổ bộ trực tiếp. Ảnh hưởng nặng nề nhất là bão gây ra gió xoáy giạt kèm theo mưa to dài ngày gây ra lũ lụt nghiêm trọng. Tỷ lệ mưa do bão và áp thấp nhiệt đới gây ra chiếm tới 40-50% tổng lượng mưa trong các tháng 9- 11. Lượng mưa do một cơn bão gây ra khoảng 300-600 mm, có khi đến 1000mm.

Thống kê 12 năm trở lại đây (1998- 2009), trên địa bàn tỉnh chịu ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của 24 cơn bão và áp thấp nhiệt đới (Trung bình 02 cơn/1 năm) gây nhiều thiệt hại đến tài sản của nhân dân và nhà nước. Điển hình là cơn bão số 6 (Xangsane) năm 2006 tuy không đổ bộ trực tiếp trên địa bàn tỉnh nhưng đã gây ra gió lớn (Cấp 8, giạt cấp 9) và mưa to gây lũ lụt trên diện rộng làm ngập 73 xã, phường,

thị trấn của 9 huyện, thị xã với mức ngập từ 0,5-3m, làm 4 người chết, 44 người bị thương, sập trôi 159 nhà, 2.970 nhà bị tốc mái, cơ sở hạ tầng, sản xuất - kinh doanh, môi trường, ... bị thiệt hại nặng, giá trị thiệt hại lên đến trên 202 tỷ đồng. Năm 2008, cơn bão số 7 (Từ ngày 27-30/9/2008) trong quá trình di chuyển vào đất liền, đã đi qua đảo Côn Cỏ và ven bờ ngoài khơi của tỉnh gây gió mạnh cấp 9, giật cấp 12 trên đảo Côn Cỏ; gió mạnh cấp 7, cấp 8, giật cấp 10 ở vùng ven biển gây thiệt hại nặng nề về tính mạng và tài sản của nhân dân và nhà nước, nhất là về cây công nghiệp như cao su tiểu điền đang trong thời kỳ thu hoạch bị gãy, đổ, hư hỏng trên 700 ha và sản xuất nông nghiệp như lúa Hè- Thu trong thời kỳ thu hoạch bị thiệt hại 3.300ha, hoa màu thiệt hại 980 ha, lương thực bị ướt hỏng 398 tấn và nhiều thiệt hại về cơ sở hạ tầng và sản xuất kinh doanh khác, nhất là ở huyện đảo Côn Cỏ chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, giá trị thiệt hại trên 150 tỷ đồng. Năm 2009, cơn bão số 9 (Từ ngày 27/9 - 03/10/2009) tuy không đổ bộ trực tiếp trên địa bàn tỉnh nhưng đã gây ra gió lớn (Cấp 9, giật cấp 10) và mưa to gây ngập lụt sâu trên diện rộng (Diện rộng hơn cả năm 1999), làm 18 người chết, 107 người bị thương, sập trôi 439 nhà, 7.875 nhà bị tốc mái, xiêu vẹo, tổng số hộ dân bị ảnh hưởng trực tiếp là 58.359 hộ dân, cơ sở hạ tầng, sản xuất- kinh doanh, môi trường, ... bị thiệt hại nặng, giá trị thiệt hại lên đến gần 2.500 tỷ đồng;

b) Về lũ lụt: Do đặc điểm địa hình của tỉnh ngấn, dốc nghiêng từ Tây sang Đông, có địa hình lòng chảo ở vùng đồng bằng nên thời gian truyền lũ nhanh nhưng thoát chậm. Mặt khác, lượng mưa phân bố không đồng đều trong năm, có 2 đỉnh: Một đỉnh vào tháng 5 gây lũ tiểu mãn và một đỉnh vào khoảng tháng 10 đến giữa tháng 11 gây lũ chính vụ. Tính trung bình nhiều năm thì mùa lũ lụt chính vụ thường xảy ra khoảng từ giữa tháng 9 đến đầu tháng tháng 12 hàng năm. Tuy nhiên, những năm gần đây do ảnh hưởng biến đổi khí hậu toàn cầu nên trên địa bàn tỉnh thường xảy ra lũ sớm vào giữa tháng 8 đến đầu tháng 9 và lũ muộn từ cuối tháng 12 đến đầu tháng 1, đặc biệt là hiện tượng lũ trái mùa đã xảy ra vào tháng 2 năm 2006.

Từ năm 1999 trở lại đây, trên địa bàn tỉnh xảy ra nhiều đợt lũ lớn, kéo dài nhiều ngày nhất là từ năm 2005 đến 2009. Có 03 đợt lũ lớn đặc trưng đó là:

- Trận lũ lịch sử tháng 11 năm 1999: Mưa lớn kết hợp triều cường do áp thấp từ biển Đông vào làm nước dâng cao, gây ngập lụt trên diện rộng và kéo dài (Mức nước sông Thạch Hãn tại thị xã Quảng Trị là 7,29 m, lớn hơn báo động III là 1,79 m). Đây là trận lũ lớn nhất trong vòng 20 năm trở lại đây, làm 56 người chết, 43 người bị thương, 59.936 nhà bị ngập (Ngập sâu từ 1,5 đến 4m là 29.721 nhà; 5.068 nhà bị xiêu; 2.186 nhà bị đổ, 309 nhà bị lũ cuốn trôi), các công trình CSHT và SXKD bị thiệt hại nặng. Tổng thiệt hại lên đến trên 564 tỷ đồng;

- Đợt lũ lịch sử đặc biệt trên lưu vực sông Bến Hải từ ngày 06 đến 09/10/2005: Lượng mưa trong 01 giờ là 96mm, trong 12 giờ là 408mm (Tại Đông Hà), cường suất lũ lớn nhất tại Gia Vòng (Sông Bến Hải) một giờ là 1,69m, mực

nước vượt lũ lịch sử (1992) là 2,28m, vượt báo động III là 7,43m; làm ngập 40 xã, phường, thị trấn của 7 huyện, thị xã từ 0,8- 1,5m, một số vùng ngập sâu từ 1,5- 4m làm 04 người chết, 09 người bị thương, giá trị thiệt hại lên đến trên 185 tỷ đồng;

- Đợt lũ do ảnh hưởng của cơn bão số 9 từ ngày 27/9 - 03/10/2009: Lượng mưa trong 04 ngày (Từ ngày 28/9-01/10/2009) phổ biến ở mức từ 500 mm đến 700 mm, mực nước các sông đều vượt báo động 3 và duy trì ở mức trên báo động 3 với thời gian dài (Lũ trên sông Thạch Hãn duy trì ở mức báo động 3 trong vòng 48 giờ: Từ 13h ngày 29/9- 13h ngày 01/10) gây ngập sâu trên diện rộng ở 09 huyện, thị xã, thành phố, làm ngập 47.839 nhà dân, sập trôi 439 nhà. Đây là đợt lũ lớn nhất từ năm 2000 trở lại đây, diện ngập lụt rộng hơn cả đợt lũ lịch sử năm 1999, đặc biệt xảy ra lũ quét trên sông Đakrông, sông Sê Pôn gây thiệt hại nặng nề về cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật, tài sản và tính mạng của nhà nước và nhân dân. Giá trị thiệt hại xấp xỉ 2.500 tỷ đồng;

c) Các loại hình thiên tai khác: Sét, lốc xoáy và sạt lở đất ở bờ sông, suối và đồi núi thường xảy ra hàng năm. Các hình thể thời tiết bất thường xảy ra những năm gần đây ngày càng gia tăng, điển hình như:

- Sụt lún đất: Xảy ra vào lúc 20h45' ngày 18/2/2006 tại thôn Tân Hiệp, xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ với phạm vi sụt lún khoảng 02 ha, sụt lở 38 hố rộng từ 4-8m, sâu từ 3-8m, có hố sâu trên 10m (Xem atlas bản đồ, bản đồ số 06). Có 122 hộ/676 khẩu bị ảnh hưởng phải di dời, trong đó di dời khẩn cấp trong đêm 18/2/2006 là 61 hộ/328 khẩu;

- Rét hại, rét đậm: Từ cuối tháng 1 đến hết tháng 2 năm 2008, không khí lạnh tăng cường liên tục làm nền nhiệt độ hạ xuống rất thấp trên toàn tỉnh. Trong tháng 1, vùng núi có 06 ngày rét đậm. Tháng 2, đồng bằng có 19 ngày rét đậm, trong đó có ngày 14,15 có rét hại; vùng núi có 25 ngày rét đậm, trong đó có 15 ngày rét hại. Tình hình thiệt hại: Diện tích lúa bị ảnh hưởng 10.034 ha (Trong đó: bị chết 7.420 ha); lạc bị chết và thiệt hại 2.706 ha; ngô bị thiệt hại 500 ha; rau đậu các loại bị thiệt hại 1.270 ha, cao su bị chết 47 ha và trên 500 ha cà phê đang ra hoa bị ảnh hưởng nặng. Đã có tổng số 2.416 trâu, bò bị chết trong đợt rét đậm, rét hại.

Thiệt hại do thiên tai, lụt bão gây ra trên địa bàn tỉnh từ năm 1989- 2009 là:

- Về người: Chết: 209 người; bị thương: 746 người;

- Về tài sản: 4.647,7 tỷ đồng.

2.2. Về hạn hán và gió Tây- Nam khô nóng (Gió Lào):

Ngoài bão, lũ tỉnh Quảng Trị còn chịu ảnh hưởng lớn của gió Tây- Nam khô nóng hàng năm, trong đó tập trung chủ yếu từ tháng 4 đến tháng 7 (Thời gian xảy ra hạn hán tập trung chủ yếu vào các tháng 3-4 và 7-8). Gió nóng làm tăng lượng bốc hơi, giảm độ ẩm làm cạn nguồn nước, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và sản xuất của người dân (Số ngày có gió Tây- Nam khô nóng trung bình 44,9

ngày/năm). Diễn hình là các năm 1993, 1998, 2003 và 2005. Tính trung bình cho những năm hạn vừa có khoảng 30- 40 xã có diện tích các loại cây trồng bị ảnh hưởng do thiếu nguồn nước tưới và khô nóng. Mặt khác, nắng nóng kéo dài gây hạn nặng kết hợp mặn xâm nhập sâu vào đất liền từ 25km- 30km làm tổn thất nặng nề trong sản xuất và thiếu nước sinh hoạt.

Ngoài ra, hạn hán làm tăng lượng bốc hơi, lượng mưa đầu nguồn ít làm mực nước các hồ chứa xuống rất thấp, những năm hạn nặng như 1993, 1998, 2003 hầu hết các hồ chứa đều thiếu nước để phục vụ nước tưới sản xuất trầm trọng, có một số hồ chứa vừa và nhỏ bị cạn kiệt và không cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp như hồ La Ngà, Kinh Môn, Nghĩa Hy, Hà Thượng, Trúc Kinh, ...

Ngoài việc gây cạn kiệt các hồ chứa, nước sông dẫn đến xâm nhập mặn và thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp, hạn hán còn gây dịch bệnh về người, gia súc và cháy rừng (Thống kê từ năm 1998 đến năm 2003 có khoảng 700 ha rừng bị cháy). Một vấn đề quan trọng hiện nay tuy đã được đề cập nhiều nhưng chưa có số liệu điều tra cơ bản cũng như việc nghiên cứu hay đề tài khoa học cụ thể đó chính là việc giảm nước mặt và nước ngầm do ảnh hưởng của hạn hán và biến đổi khí hậu toàn cầu do trái đất nóng lên. Việc thiếu nước mặt, nước ngầm ảnh hưởng rất lớn đến nước sinh hoạt, sản xuất cho người dân, mặt khác việc thiếu nước dẫn đến việc khai thác bừa bãi nguồn nước ngầm gây biến động về địa chất và gây ra các loại hình hiểm họa mới trong tương lai.

Thống kê từ năm 1993 đến năm 2009, hạn hán, nắng nóng, gió Tây- Nam khô nóng, xâm nhập mặn ảnh hưởng và gây thiệt hại đến địa bàn tỉnh như sau:

- Về người: 11 người chết, 23.983 người bị dịch bệnh, 1.150 người thiếu nước sinh hoạt;

- Về tài sản: Diện tích các loại cây trồng bị hạn nặng là 50.332 ha, mất trắng là 33.141 ha. Giá trị thiệt hại trên 520,5 tỷ đồng.

2.3. Đánh giá chung

Dựa trên mức độ thiệt hại của thiên tai, phạm vi ảnh hưởng và tần suất xuất hiện của chúng, có thể xếp các loại thiên tai ở Quảng Trị theo thứ tự sau:

Bảng 1. Phân loại các nhóm thiên tai ở Quảng Trị

Tác động mạnh	Tác động vừa	Tác động nhẹ
Ngập lụt	Hạn hán	Sự cố tràn dầu
Bão, ATNĐ	Rét hại, rét đậm	Xói lở bờ biển
Ngập úng	Sa mạc hóa	Nước biển dâng
Lốc tố	Gió Tây- Nam khô nóng	Mưa đá

Xói lở bờ sông	Sụt lún đất	Đông, sét
Lũ quét		Sạt lở đất đồi núi
Xâm nhập mặn		

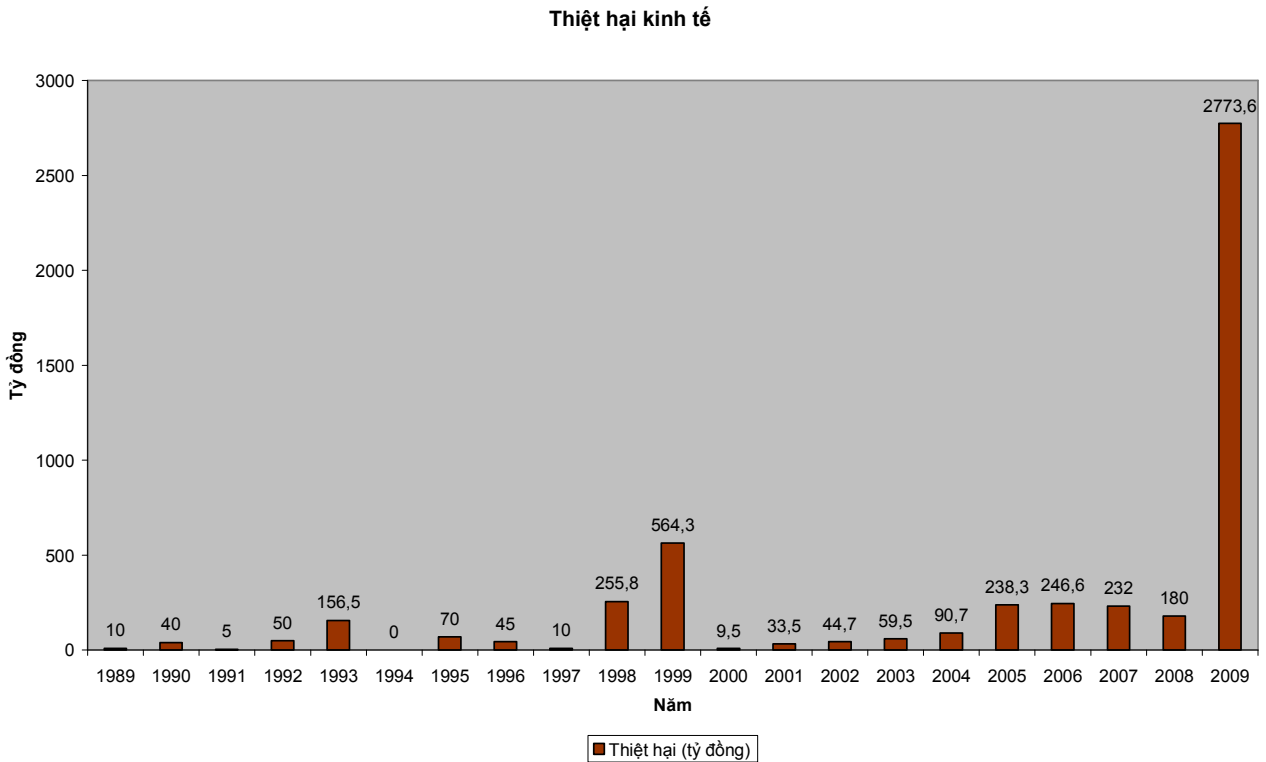
Bảng 2. Thống kê thiệt hại do các loại thiên tai gây ra từ năm 1989 đến 2009

Năm	1989	1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	
- Người chết	0	9	6	9	0	0	15	9	5	36	
- Người bị thương	0	497	0	11	0	0	0	0	3	9	
Thiệt hại (Tỷ đồng)	10,0	40,0	5,0	50,0	156,5	-	70	45,0	10,0	255,8	
Năm	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
- Người chết	56	4	4	2	6	7	9	5	11	9	18
- Người bị thương	43	1	3	0	1	2	13	44	7	4	108
Thiệt hại (Tỷ đồng)	564,3	9,5	40,6	44,7	59,5	94,2	274,2	249,1	237	180	2773,6

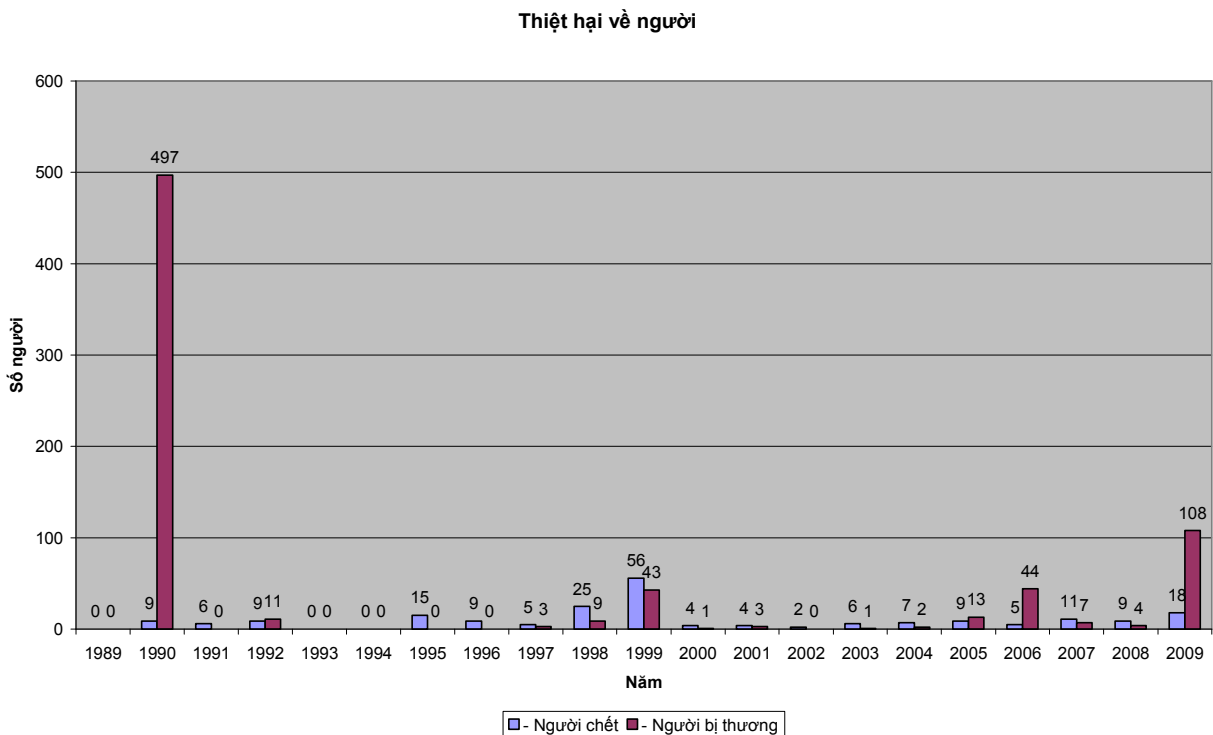
Tổng giá trị thiệt hại do thiên tai, hạn hán gây ra trên địa bàn tỉnh từ năm 1989- 2009 là:

- Về người: Chết: 220 người; bị thương: 746 người; bị dịch bệnh: 23.983 người.

- Về tài sản: trên 5.168 tỷ đồng.



Hình 1: Biểu đồ thiệt hại về kinh tế từ năm 1989 - 2009



Hình 2: Biểu đồ thiệt hại về người từ năm 1989 - 2009

Qua quá trình tổng hợp thiệt hại do thiên tai gây ra hàng năm, chúng ta dễ dàng nhận thấy mức độ thiệt hại thiên tai và sự khác biệt hàng năm được thể hiện rõ ở biểu đồ trong hình 1, 2. Trong đó, 04 năm thiệt hại lớn nhất đó là năm 1988,

1999, 2005, 2009 và cũng là những năm có các loại hình thể thiên tai đặc trưng trên địa bàn tỉnh gây ảnh hưởng lớn đến tính mạng, tài sản của nhân dân và nhà nước (Tính trong vòng 20 năm trở lại đây: Năm 1998 là năm hạn nặng nhất; 1999 là năm lũ lịch sử gây thiệt hại lớn nhất; năm 2005 là năm vừa xảy ra hạn nặng và cũng là năm có đợt lũ lịch sử đặc biệt trên lưu vực sông Bến Hải; năm 2009 là năm chịu ảnh hưởng nặng của bão số 9 và mưa lũ sau bão). Qua biểu đồ ta cũng thấy rõ những năm gần đây (2004 đến nay), giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra ngày càng lớn, điều đó chứng tỏ thiên tai ngày càng khốc liệt hơn, ảnh hưởng ngày càng nặng nề hơn đến tình hình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh và do nhiều yếu tố khác nhau tạo nên nhưng chủ yếu do 03 yếu tố chính sau:

- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu và các hiện tượng như trái đất nóng lên, nước biển dâng cao, nắng nóng và hạn hán khắc nghiệt hơn, số cơn bão xuất hiện nhiều với cường độ lớn hơn và đường đi phức tạp hơn, các hiện tượng thời tiết nguy hiểm khác như dông, lốc, sét xảy ra cũng khác thường hơn, ...;

- Khuynh hướng thiên tai theo chu kỳ và từng giai đoạn;

- Một yếu tố cơ bản nữa đó là tình hình phát triển kinh tế- xã hội ngày càng đi lên kéo theo cơ sở hạ tầng ngày càng phát triển và sự thiếu đồng bộ trong công tác quản lý, phối hợp xây dựng cơ sở hạ tầng cũng là một trong những yếu tố tác động đến thiệt hại do thiên tai gây ra.

3. Các nguyên tắc quản lý rủi ro thiên tai

3.1. Tổ chức thể chế

UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về công tác phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn và giảm nhẹ thiên tai trong phạm vi của tỉnh; Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh chịu trách nhiệm giúp UBND tỉnh điều hành, phối hợp với các cơ quan hữu quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực này.

3.2. Yêu cầu, trách nhiệm và nhận thức cộng đồng

Bảo đảm thực hiện đúng chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước và nâng cao trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân đối với công tác Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Từng bước hoàn thiện thể chế, hệ thống tổ chức từ tỉnh đến cơ sở. Nâng cao nhận thức, phổ biến kinh nghiệm trong phòng, chống thiên tai, nhất là ở cấp cơ sở thôn, bản, làng, xã.

3.3. Các giai đoạn trong quản lý thiên tai

Quản lý rủi ro thiên tai là cách tiếp cận có cơ cấu nhằm quản lý tính không chắc chắn liên quan tới môi đe dọa hay hiểm họa do thiên tai gây ra. Chính vì thế, kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh phải được thực hiện đồng bộ, theo giai đoạn và có trọng điểm, vừa có tính cấp bách, vừa có tính lâu dài. Công tác Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phải thực hiện theo 03 giai đoạn: (1) Lập kế hoạch và triển khai các phương án phòng, ngừa trước thiên tai; (2) ứng phó, cứu trợ khẩn cấp trong thiên tai; (3) Khắc phục hậu quả, đầu tư xây dựng và tái

thiết sau thiên tai. Thực hiện triệt để, có hiệu quả phương châm “4 tại chỗ” (Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ) và chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả. Công tác khắc phục hậu quả phải kết hợp với khôi phục và nâng cấp, bảo đảm sự phát triển bền vững của từng vùng và từng lĩnh vực.

3.4. Các loại hình rủi ro đối với cộng đồng

Quản lý rủi ro thiên tai đối với cộng đồng bao gồm 03 loại chính: (1) Những rủi ro hiện tại, (2) Những rủi ro trong tương lai, (3) Những rủi ro còn lại. Các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro này bao gồm cả việc chấp nhận hậu quả của rủi ro và đưa ra biện pháp giảm thiểu nhằm giảm các tác động tiềm năng hoặc đem rủi ro tới cho bên thứ ba chẳng hạn như biện pháp bảo hiểm.

(1) Những rủi ro hiện tại là những rủi ro xảy ra với những cộng đồng dễ bị tổn thương hoặc bị hứng chịu bởi thiên tai. (2) Rủi ro trong tương lai- là những thay đổi của rủi ro trong tương lai, chẳng hạn như sự phát triển của các cộng đồng mới hoặc cơ sở hạ tầng trong khu vực dễ bị tổn thương sẽ tạo ra những rủi ro trong tương lai. (3) Rủi ro còn lại- là những rủi ro gắn liền với thiên tai thường lớn hơn so với “Thiết kế” và vượt ra khỏi các biện pháp quản lý được áp dụng. Chẳng hạn như lũ lụt lớn sẽ tàn phá hệ thống đê bảo vệ. Đó là do chức năng của các đê bảo vệ này không thể đáp ứng được nhu cầu ngăn chặn rủi ro từ những hiểm họa thiên tai.

3.5. Các giải pháp quản lý

Quy hoạch quản lý rủi ro thiên tai tìm kiếm để giải quyết những rủi ro tồn đọng hiện tại và trong tương lai bằng cách sử dụng tổng hợp 06 biện pháp quản lý sau: (1) Quy hoạch sử dụng đất; (2) Kiểm soát phát triển và xây dựng nhằm giảm thiểu khả năng tổn thương đối với hiểm họa; (3) Các biện pháp công trình; (4) Biện pháp quản lý thiên tai khẩn cấp (Bao gồm dự báo, cảnh báo); (5) Giáo dục rủi ro thiên tai và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRM); (6) Chuyển giao rủi ro qua hình thức bảo hiểm.

3.6. Đầu tư

Đầu tư cho công tác Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai là yếu tố quan trọng để đảm bảo phát triển bền vững. Nhà nước đảm bảo các nguồn lực cần thiết; đồng thời huy động sự đóng góp của cộng đồng và toàn xã hội để đầu tư cho phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Đầu tư xây dựng các công trình phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phải kết hợp giữa các giải pháp công trình và phi công trình, thực hiện lợi dụng tổng hợp, đảm bảo hài hòa với thiên nhiên và cảnh quan môi trường.

3.7. Cam kết quốc tế

Đảm bảo thực hiện các cam kết quốc tế về lĩnh vực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

4. Giải pháp chung và mục tiêu của quản lý rủi ro thiên tai

Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của Chính phủ đã đưa ra phương châm phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai cho vùng đồng bằng ven biển miền Trung nói chung và Quảng Trị nói riêng là "Chủ động phòng, tránh, thích nghi để phát triển", tập trung vào các nhiệm vụ và giải pháp sau:

- Quy hoạch khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch; quy hoạch, xây dựng công trình phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, công trình hạ tầng giao thông bảo đảm chống ngập và tiêu thoát lũ;

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với đặc thù thiên tai của vùng và tận dụng được điều kiện tự nhiên thuận lợi trên đất liền, trên biển để phát triển; chống sự xâm lấn của các cồn cát vào vùng đồng bằng, chống hoang mạc hóa;

- Thực hiện chương trình củng cố, nâng cấp đê điều, tận dụng và bảo tồn các cồn cát tự nhiên để ngăn sóng thần, ngăn nước biển, ngăn mặn; xây dựng các hồ chứa, tăng cường trồng rừng, triển khai các giải pháp tăng cường dòng chảy mùa kiệt và nước ngầm, tăng cường các công trình thủy lợi để chống hạn, chống úng; xây dựng các công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, nạo vét luồng lạch; xây dựng các khu neo đậu tàu, thuyền, nâng cấp và phát triển các trạm thông tin ven biển phục vụ cảnh báo bão, nước biển dâng và sóng thần;

- Tăng cường nghiên cứu đề xuất các giải pháp chống bồi lấp cửa sông, nạo vét lòng dẫn tăng cường khả năng thoát lũ, kết hợp giao thông thủy.

Trên cơ sở Chiến lược Quốc gia và Chương trình, kế hoạch hành động của tỉnh, kế hoạch Quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp xây dựng nên các mục tiêu và giải pháp chung như sau:

4.1. Mục tiêu

4.1.1. Mục tiêu chung

Huy động mọi nguồn lực sẵn có của địa phương, nguồn vốn cấp phát của Chính phủ, vận động và kêu gọi các nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội trong và ngoài nước để thực hiện có hiệu quả công tác Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và nhà nước, hạn chế sự phá hoại tài nguyên thiên nhiên, môi trường và di sản văn hoá, góp phần quan trọng bảo đảm phát triển bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh.

4.1.2. Mục tiêu cụ thể:

(1). Quy hoạch- kế hoạch

Trên cơ sở Chương trình, kế hoạch hành động của tỉnh, thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 để lồng ghép, gắn kết

công tác quản lý rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu vào Quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế- xã hội của tỉnh, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn và Quy hoạch của các ngành, lĩnh vực giai đoạn 2010 đến 2020, định hướng đến năm 2030. Xác định công tác quản lý, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng, ưu tiên hàng đầu trong các quy hoạch phát triển, quy chuẩn xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội và khu dân cư để thực hiện quản lý và xây dựng công trình cơ sở hạ tầng bảo đảm cho công tác quản lý, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phù hợp với xu thế thiên tai, biến đổi khí hậu hiện nay và trong tương lai để ổn định và phát triển bền vững.

(2). Tăng cường nhận thức

Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang và cộng đồng người dân để tránh tư tưởng chủ quan, xem nhẹ công tác quản lý, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Phần đầu đến năm 2015 sẽ có trên 80% số dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai và đến năm 2020 toàn bộ cộng đồng người dân sẽ được phổ biến kiến thức về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

(3). Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế chính sách trong công tác Quản lý rủi ro thiên tai. Kiện toàn Ban Chỉ huy PCLB và TKCN từ cấp tỉnh đến cơ sở theo hướng gọn, mạnh. Phần đầu đến năm 2012 đảm bảo 100% cán bộ chính quyền địa phương các cấp (Từ tỉnh đến huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn, thôn, bản) trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

(4). Nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo

Nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo các loại hình thiên tai. Xây dựng mạng lưới thông tin liên lạc phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đồng bộ từ tỉnh đến xã. Nâng cao năng lực dự báo thiên tai cho dự báo viên. Trọng tâm là nâng thời gian cảnh báo lũ trước 48h, nâng thời gian dự báo lũ chính xác cho vùng đồng bằng trước 18h và trước 12h đối với loại hình lũ quét; dự báo cực ngắn các hiện tượng mưa đá, dông tố, lốc xoáy, gió mạnh và mưa lớn.

(5). Quản lý và nâng cấp hệ thống đê điều

Sửa chữa, gia cố, nâng cấp để bảo đảm an toàn hệ thống đê điều hiện có; quy hoạch, xây dựng mới để củng cố, nâng cao khả năng phòng, chống của hệ thống đê biển, đê sông, đê cát, đê bao, kè sông, kè biển trên địa bàn tỉnh nhằm mục đích bảo vệ dân cư, đất đai, phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng hải đảo, ven biển, ven sông, từng bước ứng phó có hiệu quả với nước biển dâng do ảnh hưởng biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay.

(6). Quản lý và nâng cấp các hồ chứa

Sửa chữa, gia cố, nâng cấp để bảo đảm an toàn cho 200 hồ chứa nước hiện có, đặc biệt là hồ thủy điện Rào Quán và 10 hệ thống hồ chứa nước, đập dâng loại vừa và lớn có dân cư đông đúc, có cơ sở chính trị, kinh tế, văn hoá, công trình quốc phòng, an ninh quan trọng ở hạ du. Tiếp tục quy hoạch, đầu tư xây dựng mới các hồ chứa nước và các công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh nhằm giảm thiểu tác hại rủi ro thiên tai và phát triển kinh tế- xã hội bền vững.

(7). Di dời dân khỏi nơi nguy hiểm

Hoàn thành việc di dời, sắp xếp và ổn định đời sống nhân dân vùng thường xuyên xảy ra thiên tai theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Trước mắt từ nay đến năm 2015, phấn đấu cơ bản hoàn thành việc di dời dân ra khỏi các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đồi núi, sụt lún đất, sạt lở bờ sông ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân và vùng thường xuyên ngập sâu ở ven sông, suối; phấn đấu đến năm 2020 cơ bản hoàn thành việc xây dựng các khu tái định cư vùng thiên tai để di dời dân ở các vùng nguy hiểm khác đến nơi an toàn.

(8). Xây dựng các khu neo đậu tàu thuyền

Hoàn thành 100% việc xây dựng các khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Phấn đấu đến năm 2015 sẽ xây dựng hoàn thiện 03 khu neo đậu tàu thuyền: Cửa Tùng, Cửa Việt và Cồn Cỏ.

(9). Hoàn thiện hệ thống thông tin liên lạc nghề cá

Hoàn thiện hệ thống thông tin liên lạc nghề cá từ các tổ chức quản lý đến tận người dân; mục tiêu năm 2010 sẽ thành lập và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống quản lý thông tin tàu cá của tỉnh; phấn đấu đến năm 2012 đảm bảo 100% tàu, thuyền đánh bắt xa bờ và đến năm 2015 đảm bảo 100% tàu, thuyền trung bờ có đủ thiết bị thông tin liên lạc, dụng cụ cứu hộ, cứu nạn.

(10). Xây dựng và tổ chức hoạt động lực lượng tìm kiếm cứu nạn

Xây dựng và tổ chức hoạt động lực lượng tìm kiếm cứu nạn ở các cấp, các ngành, phối hợp và hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng tìm kiếm cứu nạn của Trung ương, các tỉnh khác để chủ động ứng phó khi có tình huống cấp bách xảy ra. Tăng cường đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các lực lượng tìm kiếm cứu nạn của tỉnh, huyện, thị xã; thành lập và đào tạo các đội ứng cứu nhanh cho từng thôn, bản khu phố. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, mua sắm trang thiết bị và phát triển nguồn nhân lực phục vụ tìm kiếm cứu nạn.

(11). Đảm bảo an toàn giao thông

Phối hợp với Bộ Giao thông- Vận tải đảm bảo an toàn các tuyến đường: Quốc lộ 1A, Quốc lộ 9, đường Hồ Chí Minh, đường sắt Bắc- Nam và củng cố, nâng cấp các tuyến đường tỉnh, giao thông nông thôn.

4.2. Giải pháp chung

(1). Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế chính sách liên quan đến lĩnh vực quản lý thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu ở địa phương trên cơ sở Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão và các Nghị định, Thông tư, Quyết định, Chỉ thị, Hướng dẫn của Chính phủ về Công tác Phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn và giảm nhẹ thiên tai phù hợp với đặc thù của tỉnh và tình hình thiên tai, ảnh hưởng biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay.

(2). Kiện toàn hệ thống tổ chức

Kiện toàn hệ thống tổ chức, bộ máy, chuyên môn hóa đội ngũ cán bộ làm công tác Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, từng bước đầu tư mua sắm trang thiết bị và công nghệ đảm bảo điều kiện làm việc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cho việc điều hành, chỉ huy, chỉ đạo công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

(3). Nâng cao nhận thức cộng đồng

Chú trọng và ưu tiên hàng đầu công tác nâng cao nhận thức cộng đồng về công tác quản lý, phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng và lồng ghép vào chương trình giáo dục trong nhà trường cho học sinh. Xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, là nội dung quan trọng cần được lồng ghép trong nội dung các đề án, dự án, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

(4). Tăng cường lồng ghép

Lồng ghép nội dung chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 và công tác quản lý thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu vào chương trình, kế hoạch phát triển địa phương với phương châm “Chủ động phòng, tránh, thích nghi để phát triển” trên cơ sở thực hiện tốt phương án “Bôn tại chỗ”.

(5). Phát triển nguồn nhân lực

Thực hiện chính sách xã hội hóa và tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực đối với công tác quản lý, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

(6). Quy hoạch ngành

Lập và rà soát quy hoạch các ngành, các địa phương đến năm 2020, trong đó chú trọng việc lồng ghép công tác quản lý thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch các ngành, các địa phương. Các địa phương, đơn vị, các cấp, các ngành phải phối hợp đồng bộ trong việc quy hoạch có tính chất quan trọng liên quan nhiều đến công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai như quy hoạch thủy lợi, giao thông; quy hoạch các khu công nghiệp, du lịch; quy hoạch nước sạch và vệ

sinh môi trường nông thôn; quy hoạch các khu tái định cư vùng thiên tai, bão, lũ, v.v...

(7). Giải pháp công trình

Huy động mọi nguồn lực của địa phương, nguồn vốn cấp phát của Chính phủ, vận động và kêu gọi các nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế để từng bước củng cố, nâng cấp, xây dựng mới hệ thống đê điều; xây dựng các hồ chứa, tăng cường trồng rừng, triển khai các giải pháp tăng cường dòng chảy mùa kiệt và nước ngầm, đầu tư, xây dựng các công trình thủy lợi để chống hạn, chống úng; xây dựng các công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, bồi lấp cửa sông, nạo vét luồng lạch để tăng cường khả năng thoát lũ kết hợp với giao thông thủy; xây dựng các khu neo đậu tàu, thuyền, nâng cấp và phát triển các trạm thông tin ven biển phục vụ cảnh báo bão, nước biển dâng và sóng thần; xây dựng các khu tái định cư cho cộng đồng vùng thường xuyên bị thiên tai, hiểm họa. Đầu tư, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng như giao thông, xây dựng, y tế, giáo dục, điện lực, ... phù hợp với đặc thù thiên tai từng vùng, từng địa phương, bảo đảm cho công tác phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh.

(8). Ứng dụng khoa học kỹ thuật

Phát huy kinh nghiệm truyền thống và ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực quản lý, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.

(9). Hợp tác và chia sẻ thông tin

Tăng cường hợp tác với các địa phương, Bộ, ngành trung ương, các tổ chức quốc tế trong công tác cảnh báo, dự báo, giáo dục, đào tạo, chuyển giao công nghệ, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm tổ chức phòng, tránh, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai.

5. Giải pháp quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu cần thiết phải xây dựng cụ thể, chi tiết các giải pháp cho từng loại hình thiên tai để tập trung đầu tư hiệu quả, có ý nghĩa chiến lược nhằm hạn chế tổn thất do thiên tai, lụt, bão gây ra, cụ thể như sau:

5.1. Giải pháp công trình

5.1.1. Đối với bão

- Xây dựng các khu tránh, trú bão cho tàu thuyền, cảng cá;
- Xây dựng trung tâm thông tin liên lạc tàu cá, các điểm bắn pháo hiệu, cột hải đăng;
- Gia cố, nâng cấp, đầu tư xây dựng mới các kè biển, kè cửa sông, đê biển, đê cửa sông, đê cát, các công trình ven cửa sông, ven biển, ...;
- Xây dựng các đê, đập ngăn mặn chống triều cường, nước dâng do ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới;

- Đầu tư nạo vét luồng lạch cửa sông để tàu thuyền lưu thông tránh, trú bão an toàn và thuận lợi khi cứu hộ, cứu nạn khi có sự cố tàu thuyền trên biển;
- Xây dựng kè (Tường) hướng dòng tại cửa sông, bờ biển chống xói, sạt lở do triều cường, sóng biển khi có bão, áp thấp nhiệt đới;
- Trồng cây chắn sóng như rừng ngập mặn;
- Trồng cây chắn gió;
- Tăng cường chất lượng của các công trình cơ sở hạ tầng, nhà máy, cơ sở chế biến,... hiện có;
- Xây dựng các khu tái định cư nội xã, nội huyện, nội tỉnh;
- Xây dựng những điểm tránh bão tập trung, hầm trú ẩn tập trung tránh bão ở vùng cao;
- Kiên cố hóa các công trình công cộng làm nơi tránh bão cho nhân dân;
- Kiên cố hóa các nhà tạm của nhân dân bằng cách cho dân vay với lãi suất thấp hoặc hỗ trợ một phần kinh phí.

5.1.2. Đối với lũ lụt

- Sửa chữa, nâng cấp, gia cố và xây dựng mới hệ thống hồ chứa, công trình thủy lợi nhỏ để điều tiết dòng chảy, tham gia cắt, giảm, phân lũ;
- Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống đê sông, đê biển, đê cát, các công trình đê bao chống lũ, kè sông, kè biển, cống thoát nước và hệ thống tiêu thoát lũ;
- Xây dựng hệ thống công trình ngăn mặn, giữ ngọt;
- Nạo vét luồng lạch lòng sông;
- Xây dựng kè (Tường) hướng dòng;
- Xây dựng các mốc, tháp cảnh báo lũ;
- Trồng cây chắn sóng bảo vệ đê điều;
- Xây dựng hệ thống nước khoan và qua tinh lọc ở vùng đồng bằng và hệ thống đường ống nước sinh hoạt ở miền núi;
- Xây dựng ao hồ nuôi thủy sản theo quy hoạch và đảm bảo cao trình vượt lũ;
- Tăng cường trồng và bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn;
- Tăng cường chất lượng của các công trình cơ sở hạ tầng, nhà máy, cơ sở chế biến, ... hiện có;
- Xây dựng các khu tái định cư ở vùng cao nội xã, nội huyện, nội tỉnh;
- Xây dựng các tuyến đường vượt lũ, tiếp tục đầu tư chương trình mở rộng khẩu độ cầu, cống trên hệ thống đường bộ, đường sắt đảm bảo thoát lũ;
- Kiên cố và cao tầng hóa các công trình công cộng (Trường học, trạm y tế, trụ sở cơ quan, nhà sinh hoạt cộng đồng, ...) vừa làm nơi tránh bão, vừa làm nơi sơ tán dân đến, tránh lũ lụt cho nhân dân;

- Kiên cố hóa các nhà tạm của nhân dân bằng cách cho dân vay với lãi suất thấp hoặc hỗ trợ một phần kinh phí;

- Sửa chữa, nâng cấp, đầu tư xây dựng mới hệ thống các trạm khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh; tăng cường các điểm đo mưa tự động, các trạm thủy văn ở miền núi và thượng nguồn các sông.

5.1.3. Sạt lở bờ sông

- Xây dựng các khu tái định cư nội xã, nội huyện, nội tỉnh;

- Gia cố, nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới các kè sông kiên cố, các kè (Tường) hướng dòng ở lòng sông;

- Tăng cường chất lượng của các công trình công cộng hiện có.

5.1.4. Ứng ngập (Lũ nội đồng)

- Nạo vét các cửa sông để tăng lưu lượng thoát lũ;

- Xây dựng hệ thống đê bao chống úng, hệ thống các trạm bơm tiêu thoát nước, hệ thống kênh tiêu nội đồng;

- Đầu tư xây dựng mới các hệ thống đê đường kết hợp, hệ thống đê bao, đê sông mới;

- Mở rộng khẩu độ cầu công, xây dựng các hệ thống tiêu thoát lũ phù hợp và đồng bộ;

- Nâng cấp, sửa chữa và tăng cường chất lượng của các công trình hiện có.

5.1.5. Hạn hán

- Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới các tuyến đê sông, đập ngăn mặn, giữ ngọt;

- Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới các hồ chứa thượng nguồn để giữ nước và cung cấp nước vào mùa kiệt, cải tạo môi sinh môi trường;

- củng cố hệ thống kênh mương nội đồng, các trạm bơm tưới; sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới các công trình thủy lợi nhỏ, bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống đường ống nước sinh hoạt ở miền núi.

5.1.6. Lũ quét

- Xây dựng các khu tái định cư mới;

- Tăng cường chất lượng của các công trình hiện có;

- Kiên cố hóa các nhà tạm của nhân dân bằng cách cho dân vay với lãi suất thấp hoặc hỗ trợ một phần kinh phí.

5.1.7. Lốc tố

- Tăng cường chất lượng của các công trình hiện có;

- Kiên cố hóa các nhà tạm của nhân dân bằng cách cho dân vay với lãi suất thấp hoặc hỗ trợ một phần kinh phí.

5.1.8. Thiên tai khác

- Sụt lún đất: Mở rộng quy mô xây dựng khu tái định cư và hoàn thiện về hệ thống cơ sở hạ tầng ở khu tái định cư Tân Hiệp, Cam Lộ như điện, đường, trường, trạm,...;

- Nước biển dâng: Đầu tư xây dựng hệ thống đê biển, đê sông, kè biển và nâng cấp các công trình hiện có theo kịch bản biến đổi khí hậu;

- Sa mạc hóa: Xây dựng các khu tái định cư, trồng rừng phòng hộ vùng cát với mục đích giảm dân, cải tạo đất, chống cát bay, cát lấp.

5.2. Giải pháp phi công trình

5.2.1. Đối với bão

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức cho người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, công tác tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức của ngư dân trong việc phòng tránh, ứng phó với bão, kết hợp kinh nghiệm dân gian và khoa học để phổ biến cho người dân chủ động phòng ngừa; tập huấn về sử dụng hệ thống thông tin liên lạc, máy tần số vô tuyến điện, radio, bản đồ,...;

- Rà soát các chính sách cứu trợ phục hồi sau thiên tai;

- Rà soát các chính sách hỗ trợ vùng thường xuyên bị thiên tai;

- Lập bản đồ xác định nguy cơ bão, nước dâng;

- Rà soát, bổ sung quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ bờ biển, ven biển;

- Rà soát, bổ sung quy hoạch sử dụng đất ven biển có tính đến các tác động của thiên tai một cách phù hợp, gắn với nhiệm vụ phòng, chống thiên tai;

- Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo bão, áp thấp nhiệt đới; nâng cao năng lực cho đội ngũ dự báo viên và cán bộ cấp chính quyền cơ sở trực tiếp làm công tác quản lý rủi ro thiên tai, lụt, bão;

- Cung cấp thông tin liên lạc, các thiết bị an toàn như máy Icom, phao cứu sinh,...;

- Lập trung tâm xử lý thông tin và các trạm thông tin liên lạc với các tàu thuyền, cung cấp các thông tin về tọa độ, hướng di chuyển của bão cũng như các bản tin thời tiết có liên quan và hướng dẫn cách phòng, tránh hoặc thoát ra khỏi vùng ảnh hưởng của bão đến nơi an toàn;

- Trang bị các tàu cứu hộ, tăng cường đầu tư về thiết bị và nâng cao năng lực cho các lực lượng cứu hộ đã có;

- Nâng cao ý thức cộng đồng về bảo hiểm thiên tai, đảm bảo chính sách bảo hiểm thiên tai phù hợp;

- Thiết lập bộ tiêu chuẩn xây dựng phù hợp với từng vùng, địa phương nhằm giảm thiểu thiệt hại có thể gây ra do bão;

- Thành lập sở tay hướng dẫn xây dựng nhà ở nhằm giảm thiểu thiệt hại có thể gây ra do bão;
- Đảm bảo sự tuân thủ tiêu chuẩn xây dựng công trình theo đúng quy định nhà nước;
- Đảm bảo việc quy hoạch xây dựng các công trình có tính đến phòng, chống thiên tai (Nhất là về phòng, chống bão);
- Xây dựng và ban hành các thể chế, văn bản pháp luật về an toàn nghề cá, các tổ tự quản trên bờ và trên biển, ...;
- Đưa ra chính sách cho dân vay vốn với lãi suất thấp để kiên cố hóa nhà cửa;
- Đa dạng hóa ngành nghề cho người dân;
- Lồng ghép, điều chỉnh cơ cấu loại cây trồng nhằm giảm thiểu thiệt hại do bão có thể gây ra.

5.2.2. Đối với lũ lụt

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức cho cộng đồng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, công tác tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức của cộng đồng trong việc phòng tránh, ứng phó với lũ lụt, kết hợp kinh nghiệm dân gian và khoa học để phổ biến cho người dân chủ động phòng, chống lũ an toàn;
- Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo lũ lụt, chú trọng công tác cảnh báo lũ ở thượng nguồn và thời gian, mức ngập lụt ở đồng bằng; nâng cao năng lực cho đội ngũ dự báo viên và cán bộ cấp chính quyền cơ sở trực tiếp làm công tác quản lý rủi ro thiên tai, lụt, bão;
- Đầu tư mua sắm, nâng cấp trang thiết bị văn phòng đảm bảo yêu cầu phục vụ cho công tác quản lý thiên tai, lụt, bão; hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc hai chiều phục vụ công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai;
- Đầu tư mua sắm, nâng cấp các trang thiết bị phù hợp với từng vùng, từng địa bàn phục vụ cho công tác ứng cứu, cứu hộ, cứu nạn, sơ tán dân trong lũ lụt;
- Rà soát các chính sách cứu trợ phục hồi sau thiên tai, đảm bảo các chính sách trợ cấp, hỗ trợ cho người dân khi lũ lụt xảy ra;
- Rà soát các chính sách hỗ trợ vùng thường xuyên đối mặt với thiên tai;
- Lập bản đồ phân vùng ngập lụt, đánh giá rủi ro do lũ, lụt và lập bản đồ ngập lụt;
- Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng chống lũ;
- Rà soát, bổ sung quy hoạch xây dựng ở những khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai; chú trọng công tác quy hoạch sử dụng đất một cách phù hợp, có tính đến các tác động của thiên tai;
- Rà soát, bổ sung quy hoạch hệ thống đê sông, đê biển, hồ chứa và công trình thủy lợi nhỏ khác;
- Rà soát, bổ sung quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn;

- Ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ, kỹ thuật và sử dụng vật liệu mới vào phục vụ công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai;
- Cung cấp các chỉ dẫn kỹ thuật về tiêu chuẩn xây dựng phù hợp với từng vùng, địa phương nhằm giảm thiểu thiệt hại có thể gây ra do lũ lụt;
- Đảm bảo sự tuân thủ tiêu chuẩn xây dựng công trình theo đúng quy định nhà nước;
- Thành lập sở tay hướng dẫn xây dựng nhà ở nhằm giảm thiểu thiệt hại có thể gây ra do lũ lụt;
- Xây dựng, bổ sung, hoàn thiện chính sách cho dân vay vốn với lãi suất thấp để kiên cố và cao tầng hóa nhà cửa;
- Tổ chức lực lượng tình nguyện viên tham gia trong công tác phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai;
- Nâng cao ý thức doanh nghiệp, cộng đồng về bảo hiểm thiên tai, đảm bảo chính sách bảo hiểm thiên tai phù hợp;
- Lập kế hoạch dự trữ hàng năm các nhu yếu phẩm thiết yếu như lương thực, chất đốt, thuốc y tế, hóa chất,... để ứng cứu, cứu trợ các địa bàn khi cần thiết;
- Đa dạng hóa và chuyển đổi cơ cấu ngành nghề cho cộng đồng phù hợp với đặc điểm của từng vùng, từng địa phương;
- Lồng ghép, điều chỉnh cơ cấu loại cây trồng, lịch mùa vụ, nhằm giảm thiểu thiệt hại do lũ lụt có thể gây ra;
- Tuyên truyền vận động người dân bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm khi có thiên tai;
- Tổ chức cắm biển cảnh báo khu vực ngập sâu, tuyến đường ngập sâu, vùng nước sâu, xoáy nguy hiểm trong mùa mưa lũ.

5.2.3. Sạt lở bờ sông

- Tuyên truyền, vận động người dân di dời đến các khu tái định cư mới song song với việc xây dựng và ban hành các chính sách, chế độ trợ cấp, ưu đãi, hỗ trợ cho cộng đồng đến nơi định cư mới;
- Rà soát, bổ sung quy hoạch dân cư vùng sạt lở bờ sông, cửa sông, ven biển;
- Lập bản đồ xác định nguy cơ sạt lở bờ sông;
- Lập quy hoạch xây dựng hệ thống kè sông chống sạt lở.

5.2.4. Úng ngập (Lũ nội đồng)

- Lập bản đồ phân vùng ngập úng, đánh giá rủi ro do ngập úng và lũ nội đồng;
- Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng, chống lũ (Chú trọng đến ngập úng);
- Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo lũ lụt, lũ quét và các loại hình thiên tai khác ở cấp tỉnh;
- Đa dạng hóa và chuyển đổi cơ cấu ngành nghề cho cộng đồng phù hợp với đặc điểm của từng vùng, từng địa phương;
- Lồng ghép, điều chỉnh cơ cấu loại cây trồng, lịch mùa vụ, nhằm giảm thiểu

thiệt hại do úng ngập có thể gây ra;

- Nâng cao ý thức cộng đồng về bảo hiểm thiên tai, đảm bảo chính sách bảo hiểm thiên tai phù hợp;

- Rà soát các chính sách cứu trợ phục hồi sau thiên tai;

- Rà soát các chính sách hỗ trợ vùng thường xuyên bị thiên tai;

- Quy hoạch hệ thống đê sông, đê bao ngăn lũ tiểu mãn và úng ngập do mưa lũ gây ra;

- Lập kế hoạch dự trữ hàng năm các nhu yếu phẩm thiết yếu như lương thực, chất đốt, thuốc y tế, hóa chất,... để ứng cứu, cứu trợ các địa bàn khi cần thiết;

- Tuyên truyền vận động người dân bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm khi có thiên tai, lũ lụt.

5.2.5. Hạn hán

- Lập bản đồ phân vùng đánh giá rủi ro hạn hán;

- Rà soát, bổ sung quy hoạch hệ thống hồ chứa và công trình thủy lợi nhỏ khác phục vụ cấp nước sản xuất nông nghiệp;

- Điều tra, đánh giá hiện trạng mực nước ngầm và lập quy hoạch sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước; điều tra, đánh giá hiện trạng nước bề mặt ở các ao hồ, sông suối nhỏ và lập quy hoạch sử dụng tài nguyên nước mặt hợp lý, tiết kiệm;

- Lập kế hoạch dự trữ hàng năm các nhu yếu phẩm thiết yếu như lương thực, chất đốt, thuốc y tế, hóa chất,... để hỗ trợ các địa bàn khi cần thiết;

- Tuyên truyền vận động người dân bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm khi có dịch bệnh xảy ra.

5.2.6. Lũ quét

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo lũ quét cho đội ngũ dự báo viên và đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý thiên tai;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở về sự nguy hiểm, tác hại của loại hình lũ quét;

- Lập phương án, kế hoạch sơ tán dân chi tiết hàng năm để chủ động sơ tán dân trong các trường hợp khẩn cấp;

- Quy hoạch các khu tái định cư vùng thường xuyên xảy ra lũ quét kết hợp với quy hoạch di dời dân ở các vùng sạt lở bờ sông, sạt lở đồi, núi, sụt lún đất;

- Lập bản đồ phân vùng nguy cơ xảy ra lũ quét;

- Tổ chức cắm biển cảnh báo khu vực có khả năng xảy ra lũ quét, vùng nước sâu, xoáy nguy hiểm;

- Rà soát các chính sách cứu trợ phục hồi sau thiên tai;

- Rà soát các chính sách hỗ trợ khẩn cấp vùng chịu ảnh hưởng thiên tai nặng nề;

- Nâng cao ý thức cộng đồng về bảo hiểm thiên tai, đảm bảo chính sách bảo hiểm thiên tai phù hợp.

5.2.7. Lốc tố

- Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm;

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về sự nguy hiểm của lốc tố;

- rà soát các chính sách hỗ trợ khẩn cấp và cứu trợ phục hồi sau thiên tai;

- Nâng cao ý thức cộng đồng về bảo hiểm thiên tai, đảm bảo chính sách bảo hiểm thiên tai phù hợp.

5.2.8. Thiên tai khác

Sụt lún đất:

- Xây dựng chính sách hỗ trợ đặc biệt cho vùng thiên tai cá biệt bị thiệt hại nặng;

- Bảo đảm an ninh trật tự ở vùng xảy ra thiên tai và ở khu tái định cư mới;

- Tuyên truyền, vận động và giải thích cho người dân trong vùng hiểu rõ về loại hình thiên tai và tác động để tránh hoang mang dư luận và phát sinh các tâm lý xấu trong dân.

Rét hại, rét đậm:

- Đa dạng hóa và chuyển đổi cơ cấu ngành nghề cho cộng đồng phù hợp với đặc điểm của từng vùng, từng địa phương;

- Lồng ghép, điều chỉnh cơ cấu loại cây trồng, lịch mùa vụ, nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai có thể gây ra;

- Nâng cao ý thức cộng đồng về bảo hiểm thiên tai, đảm bảo chính sách bảo hiểm thiên tai phù hợp;

- Rà soát các chính sách cứu trợ phục hồi sau thiên tai.

Loại hình khác:

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về các loại hình thiên tai;

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo cực ngắn các hiện tượng mưa đá, dông tố, lốc xoáy, gió mạnh và mưa lớn, ...;

- Rà soát các chính sách cứu trợ phục hồi sau thiên tai;

- Lập kế hoạch, phương án phòng ngừa cụ thể, chi tiết hàng năm từ tỉnh đến cơ sở nhất là đối với cấp thôn, bản, xã, phường, thị trấn;

- Lập bản đồ phân vùng thiên tai, hiểm họa.

5.3. Các giải pháp khẩn cấp

Trên cơ sở các giải pháp đã nêu trên để tiến hành lựa chọn các biện pháp khẩn cấp, ưu tiên, có tính chiến lược dài hạn và thiết thực nhất phù hợp với nguồn lực, tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương với tổng số kinh phí cần đầu tư

khẩn cấp cho công tác quản lý, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là:

Tổng số kinh phí cần đầu tư khẩn cấp cho công tác quản lý, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là: 8.167,6 tỷ đồng (Tám ngàn, một trăm sáu mươi bảy tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn), trong đó:

- Biện pháp công trình: 7.678 tỷ đồng;
- Biện pháp phi công trình: 489,6 tỷ đồng.

Phụ lục 1 trình bày kế hoạch chi tiết cần đầu tư khẩn cấp cho công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

6. Kế hoạch thực hiện

6.1. Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh

Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh là cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch Quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh, có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các Sở, Ban, ngành, huyện, thị xã trong tỉnh; làm đầu mối liên hệ với các Bộ, ngành trung ương, các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước về lĩnh vực quản lý, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai;

- Hàng năm tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch cụ thể của các ngành, các địa phương; định kỳ 3 năm sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm và đề xuất kiến nghị, trình UBND tỉnh điều chỉnh nội dung, giải pháp, chương trình, kế hoạch cho phù hợp.

6.2. Đối với các Sở, Ban, ngành

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh và các Sở, Ban, ngành liên quan cân đối, bố trí vốn đầu tư hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách và các nguồn tài trợ khác để thực hiện hiệu quả nội dung kế hoạch Quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh. Các Sở, Ban, ngành khác trên cơ sở, chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt yêu cầu, nội dung, chương trình, dự án của kế hoạch đã đề ra.

6.3. Đối với các địa phương

UBND, Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các cấp, các ngành trong huyện, thành phố, thị xã thực hiện các nội dung của kế hoạch Quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh, trong đó chú trọng hoàn thành kế hoạch tu bổ và xây dựng các công trình phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, có kế hoạch, phương án bảo vệ dân, đồng thời lồng ghép các nội dung quản lý, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

7. Đánh giá thực hiện

7.1. Xác định tiêu chí đánh giá

- Việc chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến công tác quản lý, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai;
- Cơ cấu tổ chức quản lý, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai ở địa phương;
- Năng lực tìm kiếm, cứu nạn của các lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách;
- Việc lồng ghép nội dung công tác quản lý, phòng, chống thiên tai vào quy hoạch tổng thể, từng dự án cụ thể về phát triển kinh tế- xã hội của các Sở, Ban, ngành, địa phương;
- Công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai;
- Về sự tham gia của cộng đồng đối với việc xây dựng văn bản pháp luật, lập quy hoạch, kế hoạch, quản lý và giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án tại địa phương;
- Khả năng tự phòng ngừa, ứng phó thiên tai;
- Hiệu quả của các công trình phòng, chống thiên tai;
- Phát triển bền vững của từng vùng, địa phương trước tác động của thiên tai;
- Hiệu quả đầu tư cho công tác phòng, chống thiên tai;
- Ứng dụng khoa học- công nghệ trong công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai;
- Hoạt động quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

7.2. Phân định thời kỳ đánh giá

- Tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm và triển khai công tác phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn hàng năm trong đó có đánh giá việc thực hiện theo nội dung kế hoạch; 3 năm sơ kết đánh giá rút kinh nghiệm và điều chỉnh nội dung, giải pháp trong kế hoạch hành động cho phù hợp;
- Trên cơ sở các tiêu chí đánh giá nêu trên các Sở, Ban, ngành, địa phương tự phân tích đánh giá ở các mức: Tốt, khá, trung bình, yếu, kém.

7.3. Biện pháp tổ chức thực hiện việc đánh giá

Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm đánh giá trong phạm vi địa phương; Giám đốc các Sở, Ban, ngành, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm đánh giá trong phạm vi ngành, đơn vị mình phụ trách. Kết quả đánh giá phải nêu được những nguyên nhân thành công và chưa thành công trong việc thực hiện kế hoạch Quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh đồng thời báo cáo kết quả thực hiện về Ban Chỉ huy Phòng chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

8. Kết luận

Thiên tai nói chung và lụt bão nói riêng là một hiện tượng tự nhiên, chúng ta chưa thể nhận biết được chính xác, kịp thời về quy mô và mức độ gây ra cũng như không thể chế ngự được hoàn toàn, nhưng với những tiến bộ khoa học hiện nay kết hợp với kinh nghiệm chúng ta có thể chủ động hạn chế tác động do thiên tai gây ra. Với đặc thù là một tỉnh thường xuyên chịu ảnh hưởng lớn của thiên tai, bão lũ gây nhiều thiệt hại nặng nề về tính mạng, tài sản của nhân dân và nhà nước, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế- xã hội của địa phương. Để hạn chế những tổn thất do thiên tai gây ra, đảm bảo sự ổn định, phát triển bền vững, UBND tỉnh Quảng Trị xây dựng kế hoạch Quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp cấp tỉnh trên cơ sở triển khai thực hiện Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đạt được mục tiêu, nội dung đề ra kịp thời, phát huy hiệu quả cao và cũng là cơ sở để Chính phủ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ trong và ngoài nước quan tâm đầu tư, xây dựng nhằm giúp tỉnh Quảng Trị phát triển kinh tế- xã hội bền vững và giảm thiểu tối đa những thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh./.

Phụ lục 1:

KẾ HOẠCH CHI TIẾT CẦN ĐẦU TƯ CHO CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG VÀ GIẢM NHẸ THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

Đơn vị tính: Tỷ đồng (VNĐ)

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
A	BIỆN PHÁP CÔNG TRÌNH:			7.678	2010- 2020		
1	Dự án: Đê biển- Đê, kè sông phòng, chống xói lở, chủ động ứng phó với mực nước biển dâng tỉnh Quảng Trị			2.018	2010- 2015	Sở Nông nghiệp & PTNT	U'1
1.1	Phân công trình: Đầu tư xây dựng mới 11 tuyến đê với tổng chiều dài 59,06 km; Củng cố, nâng cấp, sửa chữa 07 tuyến đê với tổng chiều dài 50,98 km; Xây dựng mới	- Chủ động phòng, chống lụt, bão, nước biển dâng, hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra; tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội ở các địa phương một cách bền vững, góp phần đảm bảo an	- Hệ thống đê điều tỉnh Quảng Trị cần đầu tư khẩn cấp là 169,74 km bao gồm đê trực tiếp biển, cửa sông, đê sông; đê cát và kè sông. Bao gồm: - Đầu tư, xây dựng mới 11	2.000	2010- 2015	Chủ đầu tu: Sở Nông nghiệp và PTNT. Phối hợp: Chính quyền địa phương	U'1

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
	10 tuyến kè chống sạt lở bờ sông với tổng chiều dài 59,7 km.	<p>ninh, quốc phòng vùng ven biển;</p> <p>- Kết hợp giữa nhiệm vụ ngăn mặn, giữ ngọt, phòng, chống lụt, bão, nước biển dâng đảm bảo lâu dài với yêu cầu phục vụ khai thác tối đa tiềm năng ven biển, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo;</p> <p>- Về lâu dài: Xây dựng hệ thống đê điều kiên cố, bảo đảm an toàn phòng, chống lụt, bão, nước biển dâng, thích ứng biến đổi khí hậu kết hợp đường cứu hộ cứu nạn trong các trường hợp khẩn cấp. Trước mắt, phấn đấu trong hai năm 2010- 2011 sẽ đầu tư hoàn thành những đoạn đê xung yếu nhằm bảo vệ dân cư tập trung, những khu vực kinh tế quan trọng.</p>	<p>tuyến đê với chiều dài 59,06 km: Đê hữu sông Châu Thị (Từ cống Châu Thị - Hồ Xá) 4km; đê tả Sa Lung (Từ cầu Hiền Lương đến kênh Bảo Đại) 5,8km; đê hữu Sa Lung (Quảng Xá - Hiền Lương) 5,8km; đê hai bên sông Bến Tám (Ngã ba sông Sa Lung- cầu Bến Tám) 8km; đê tả Thạch Hãn (Đại Lộc- Ngã ba sông Hiếu) 6,6km; đê Bắc Phước 4,7km; đê hữu Thạch Hãn bao thôn Tường Vân 5,3km; đê hữu Thạch Hãn (đập Việt Yên- Lương Kim) 2,96km; đê hữu Thạch Hãn (Đập Quy Hà- Đại Lộc 8) 8,8km; đê hữu sông Hiếu 2,8km; đê tả Thạch Hãn (Ngã ba sông Hiếu- Vĩnh Phước) 4,3km.</p> <p>- Cùng cố, nâng</p>			các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong.	

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
			<p>cấp, sửa chữa 07 tuyến đê với tổng chiều dài 50,98km: Đê biển Vĩnh Thái 7,2km; đê tả Bến Hải (Từ K6+350- Vĩnh Giang 7km; đê hữu sông Bến Hải (Xuân Mỹ - Cát Sơn) 3km; đê sông Vĩnh Định (Từ đập Việt Yên đến Phú Tài) 6,4km; đê tả Thạch Hãn (Cổng Đại Độ 2- Xóm Đò) 3,6km; đê cát Triệu Trạch-Triệu Sơn 12,2km; đê cát Hải Ba- Hải Dương 11,58km - Đầu tư xây dựng mới 10 tuyến kè chống sạt lở bờ sông với tổng chiều dài 59,7km: Kè hai bên bờ sông Sa Lung (Cổng Châu Thị đến Linh Hải) 17,6km; kè hữu sông Bến Hải (từ cầu đường sắt đến Xuân Mỹ) 11,5km; Kè hộ chân đê Bắc Phước 1,5km; kè tả Thạch Hãn (từ</p>				

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
			công Đại Độ 1 đến công Đại Độ 2) 2,4km; Kè tả sông Hiếu (Các đoạn xói lở nhiều) 5,07km; kè hữu sông Hiếu (các đoạn xói lở nhiều) 5,3km; kè hữu Thạch Hãn (Nối đoạn từ kè Hậu Kiên đến kè Long Giang) 0,83km; kè tả Thạch Hãn (Nối kè Bờ Bắc đến kè Long Giang) 2,8km; kè tả Thạch Hãn (Thượng Phước-An Đôn) 5km; kè hữu Thạch Hãn (Tân Mỹ- Khu phố 1- Thị xã Quảng Trị) 7,7km.				
1.2	Trồng cây chấn sóng, gió bảo vệ đê điều.	Bảo vệ hệ thống công trình đê điều và cơ sở hạ tầng nhằm ổn định và phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.	Trên cơ sở quy hoạch hệ thống đê sông, đê biển, đê cát để xác định biện pháp lồng ghép với phân xây dựng công trình, tổ chức trồng cây chấn sóng.	12,0	2010- 2015	- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Phối hợp: Các địa phương liên quan	UT1
1.3	Tuyên truyền, tập huấn, phổ biến Luật Đê điều, Pháp	Nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ cơ sở, cộng đồng về công tác	Mở 600 lớp tập huấn cho khoảng 30.000 người dân trong	6,0	2010- 2012	- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT	UT1

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
	lệnh PCLB, kiến thức về quản lý, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai	quản lý, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai	vùng dự án hường lợi.			- Phối hợp: Các địa phương liên quan	
2	Tiểu dự án củng cố, bảo đảm an toàn hệ thống hồ chứa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị			1.104	2010- 2016		
	Sửa chữa, nâng cấp và bổ sung xây dựng mới hệ thống hồ chứa trên địa bàn tỉnh	Nhằm củng cố, đảm bảo an toàn hệ thống hồ chứa, điều tiết dòng chảy, tham gia cắt, giảm, phân lũ và phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp, góp phần cải tạo môi sinh, môi trường nhằm góp phần phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương.	- Củng cố, đầu tư xây dựng mới và bảo đảm an toàn cho 07 hồ chứa nước lớn nhỏ, bao gồm: Hồ sông Nhùng, hồ Bến Đá, hồ Sông Nhi, hồ 49, hồ A Trùm, hồ Khe Mướp, hồ Mè Tré; - Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn 11 hồ chứa nước lớn nhỏ, gồm: Kinh Môn, Bảo Đài, La Ngà, Trúc Kinh, Hiếu Nam, Đá Lã, Hồ Trầm, Tân Tài, Bản Cửa, Triệu Thượng 1, Triệu Thượng 2		2010- 2016	- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Phối hợp: Các ngành, địa phương liên quan.	
2.1	Hồ Sông Nhùng	Tăng cường khả năng điều tiết, phân, giảm lũ và đảm bảo nước tưới cho sản xuất nông nghiệp của địa phương.	Đầu tư xây dựng mới; địa điểm xây dựng: Xã Hải Trường, huyện Hải Lăng; Flv: 82km ² ; Wtrữ: 80 (10 ⁶ m ³).	300	2010- 2013	Sở Nông nghiệp và PTNT	UT1

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
2.2	Hồ Bén Đá	Tăng cường khả năng điều tiết, phân, giảm lũ và đảm bảo diện tích tưới: 1.500ha cho sản xuất nông nghiệp của địa phương.	Đầu tư xây dựng mới; địa điểm xây dựng: Xã Hải Trường, huyện Hải Lăng; Flv: 23km ² .	70	2010-2013	Sở Nông nghiệp và PTNT	ƯT1
2.3	Hồ 49	Tăng cường khả năng điều tiết, phân, giảm lũ và đảm bảo nước tưới cho sản xuất nông nghiệp cho thành phố Đông Hà.	Đầu tư xây dựng mới; địa điểm xây dựng: Thành phố Đông Hà	80	2010-2013	Sở Nông nghiệp và PTNT	ƯT1
2.4	Hồ A Trùm	Tăng cường khả năng điều tiết, phân, giảm lũ và đảm bảo diện tích tưới: 643 ha cho sản xuất nông nghiệp-công nghiệp của địa phương.	Đầu tư xây dựng mới; địa điểm xây dựng: Thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa; Flv: 16,5km ²	100	2010-2013	Sở Nông nghiệp và PTNT	ƯT1
2.5	Hồ Mè Tré	Tăng cường khả năng điều tiết, phân, giảm lũ và đảm bảo nước tưới cho 1.000 ha đất sản xuất nông nghiệp của địa phương.	Đầu tư xây dựng mới; địa điểm xây dựng: Xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh; Flv: 13,3km ²	100	2013-2016	Sở Nông nghiệp và PTNT	ƯT2
2.6	Hồ Sông Nhi	Tăng cường khả năng điều tiết, phân, giảm lũ và đảm bảo diện tích tưới: 120ha cho sản xuất nông nghiệp của địa phương.	Đầu tư xây dựng mới; địa điểm xây dựng: Xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng; Flv: 31km ²	30	2013-2016	Sở Nông nghiệp và PTNT	ƯT2

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
2.7	Hồ Khe Mướp	Tăng cường khả năng điều tiết, phân, giảm lũ và đảm bảo diện tích tưới: 2.370 ha cho sản xuất nông nghiệp của địa phương.	Đầu tư xây dựng mới; địa điểm xây dựng: Xã Hải Thái, huyện Gio Linh; Flv: 49km ²	300	2012-2016	Sở Nông nghiệp và PTNT	UT2
2.8	Hồ chứa nước Kinh Môn	Bảo đảm an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ, đảm bảo diện tích tưới: 1.340 ha cho sản xuất nông nghiệp, sản xuất kinh doanh	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống hồ chứa; địa điểm xây dựng: Xã Trung Sơn, huyện Gio Linh; Flv: 21,0km ² ; Wtrữ: 21,1 (10 ⁶ m ³).	15	2010-2011	Sở Nông nghiệp và PTNT	UT1
2.9	Hồ chứa nước La Ngà	Bảo đảm an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ, đảm bảo diện tích tưới: 1.900 ha cho sản xuất nông nghiệp, sản xuất kinh doanh	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống hồ chứa; địa điểm xây dựng: Xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh; Flv: 29,0km ² ; Wtrữ: 36,4 (10 ⁶ m ³).	15	2010-2011	Sở Nông nghiệp và PTNT	UT1
2.10	Hồ chứa nước Bảo Đài	Bảo đảm an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ, đảm bảo diện tích tưới: 1.370 ha cho sản xuất nông nghiệp, sản xuất kinh doanh	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống hồ chứa; địa điểm xây dựng: Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh; Flv: 25,0km ² ; Wtrữ: 25,5 (10 ⁶ m ³).	15	2010-2011	Sở Nông nghiệp và PTNT	UT1

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
2.11	Hồ chứa nước Trúc Kinh	Bảo đảm an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ, đảm bảo diện tích tưới: 2.350 ha cho sản xuất nông nghiệp, sản xuất kinh doanh	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống hồ chứa; địa điểm xây dựng: Huyện Cam Lộ và huyện Gio Linh; Flv: 49,6km ² ; Wtrữ: 39,0 (10 ⁶ m ³).	20	2010-2011	Sở Nông nghiệp và PTNT	U ^T 1
2.12	Hồ chứa nước Triệu Thượng 1 (Gia Chám 1)	Bảo đảm an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ, đảm bảo diện tích tưới: 150 ha cho sản xuất nông nghiệp, sản xuất kinh doanh	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống hồ chứa; địa điểm xây dựng: Xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong; Flv: 3,5km ² ; Wtrữ: 2,250 (10 ⁶ m ³).	10	2010-2011	Sở Nông nghiệp và PTNT	U ^T 1
2.13	Hồ chứa nước Triệu Thượng 2 (Gia Chám 2)	Bảo đảm an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ, đảm bảo diện tích tưới: 150 ha cho sản xuất nông nghiệp, sản xuất kinh doanh	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống hồ chứa; địa điểm xây dựng: Xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong; Flv: 2,6km ² ; Wtrữ: 2,250 (10 ⁶ m ³).	10	2010-2011	Sở Nông nghiệp và PTNT	U ^T 1
2.14	Hồ chứa nước Hiếu Nam	Bảo đảm an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ; đảm bảo diện tích tưới: 120 ha cho sản xuất nông nghiệp, sản xuất kinh doanh	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống hồ chứa; địa điểm xây dựng: Xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ; Flv: 5,8km ² ; Wtrữ: 2,15(10 ⁶ m ³).	10	2010-2011	Sở Nông nghiệp và PTNT	U ^T 1
2.15	Hồ chứa nước Đá Lã	Bảo đảm an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ, đảm bảo diện tích tưới: 200 ha cho sản xuất nông nghiệp, sản xuất kinh	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống hồ chứa; địa điểm xây dựng: Xã Cam Thủy, huyện Cam Lộ; Flv: 4,5km ² ;	10	2010-2011	Sở Nông nghiệp và PTNT	U ^T 1

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
		doanh	Wtrữ: 2,4 (10 ⁶ m ³).				
2.16	Hồ Trầm	Bảo đảm an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ, đảm bảo diện tích tưới: 60 ha cho sản xuất nông nghiệp, sản xuất kinh doanh	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống hồ chứa; địa điểm xây dựng: Xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh; Flv: 2,5km ² ; Wtrữ: 1,18 (10 ⁶ m ³).	7	2012-2014	Sở Nông nghiệp và PTNT	UT2
2.17	Hồ chứa nước Tân Tài	Bảo đảm an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ, đảm bảo diện tích tưới: 12 ha cho sản xuất nông nghiệp, sản xuất kinh doanh	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống hồ chứa; địa điểm xây dựng: Xã Tân Lập, huyện Hướng Hoá; Flv: 2,5km ² ; Wtrữ: 0,04 (10 ⁶ m ³).	5	2013-2015	Sở Nông nghiệp và PTNT	UT2
2.18	Hồ chứa nước Bản Cửa	Bảo đảm an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ, đảm bảo diện tích tưới: 18 ha cho sản xuất nông nghiệp, sản xuất kinh doanh	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống hồ chứa; địa điểm xây dựng: Xã Hướng Tân, huyện Hướng Hoá; Flv: 0,5km ² ; Wtrữ: 0,1 (10 ⁶ m ³).	7	2013-2015	Sở Nông nghiệp và PTNT	UT2
3	Tiểu dự án củng cố hệ thống kè chống sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị			105			
	Củng cố hệ thống kè chống sạt lở bờ sông	- Bảo vệ khu dân cư, tài nguyên đất, các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng; - Chống xói, sạt lở bờ sông, phục vụ sản xuất, dân sinh, kinh tế, tạo cảnh quan môi trường, sinh thái	Xây dựng mới 08 tuyến kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ an toàn tính mạng người dân, tài nguyên đất.		2010-2013	- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Phối hợp: Các ngành, địa phương	

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
		nhằm ổn định, phát triển kinh tế- xã hội.				liên quan.	
3.1	Kè Triệu Giang	Bảo vệ khu dân cư (Có 62 hộ sống trong vùng nguy hiểm do sạt lở đất), tài nguyên đất, các công trình cơ sở hạ tầng.	Địa điểm: Thôn Tiền Kiên, Tả Kiên, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong; chiều dài: 600m	12	2010- 2012	Sở Nông nghiệp và PTNT.	U1
3.2	Kè Tân Đức	Bảo vệ khu dân cư (Trên 100 hộ sống trong vùng nguy hiểm do sạt lở đất), tài nguyên đất, các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng.	Địa điểm: Thôn Tân Đức, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong; chiều dài: 420m	9	2010- 2011	Sở Nông nghiệp và PTNT	U1
3.3	Kè Nam Hải	Bảo vệ khu dân cư (Có 29 hộ sống trong vùng nguy hiểm do sạt lở đất), tài nguyên đất, các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng.	Địa điểm: Thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh; chiều dài: 1.000m	15	2010- 2011	Sở Nông nghiệp và PTNT	U1
3.4	Kè Thượng Viên	Bảo vệ khu dân cư (Có 03 hộ sống trong vùng nguy hiểm do sạt lở đất), tài nguyên đất, các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng.	Địa điểm: Thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ; chiều dài: 400m	9	2012- 2013	Sở Nông nghiệp và PTNT	U2
3.5	Kè Hậu Viên	Bảo vệ khu dân cư (Có 09 hộ sống trong vùng nguy hiểm do sạt	Địa điểm: Thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ; chiều dài: 300m	8	2012- 2013	Sở Nông nghiệp và	U2

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
		lở đất), tài nguyên đất, các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng.				PTNT	
3.6	Kè Bích Giang	Bảo vệ khu dân cư (Có 27 hộ sống trong vùng nguy hiểm do sạt lở đất), tài nguyên đất, các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng.	Địa điểm: Xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ; chiều dài: 600m	12	2011-2012	Sở Nông nghiệp và PTNT	ƯT1
3.7	Kè Mò Ó	Bảo vệ khu dân cư (Có 24 hộ sống trong vùng nguy hiểm do sạt lở đất), tài nguyên đất, các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng.	Địa điểm: Xã Mò Ó, huyện Đakrông; chiều dài: 2.000m	25	2010-2012	Sở Nông nghiệp và PTNT	ƯT1
3.8	Kè Hà Lộc	Bảo vệ khu dân cư (Có 21 hộ sống trong vùng nguy hiểm do sạt lở đất trong tổng số 122 hộ bị ảnh hưởng), tài nguyên đất, các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng.	Địa điểm: Thôn Hà Lộc, xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng; chiều dài: 1.500m	15	2010-2011	Sở Nông nghiệp và PTNT	ƯT1
4	Xây dựng các khu tái định cư di dời dân ở các vùng sạt lở bờ sông, đồi núi, lũ quét			300	2010 - 2015		
	Xây dựng 11 khu tái định cư di dời dân vùng thiên tai nguy hiểm	Từ đây đến năm 2015 phấn đấu cơ bản hoàn thành việc di dời dân ra khỏi các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đồi núi, sụt lún đất, sạt lở bờ	Khảo sát các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai; chọn lựa quỹ đất phù hợp, an toàn để đầu tư xây dựng công trình hạ tầng cơ sở và tổ		2010-2015	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, Tỉnh	

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
		sông ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân và vùng thường xuyên ngập sâu ở ven sông, suối nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và nhà nước.	chức vận động thanh niên, các hộ gia đình đến vùng tái định cư mới để lập nghiệp, xây dựng các làng nghề, tạo công ăn việc làm cho người dân; tận dụng nguồn tài nguyên đất, ... nhằm góp phần phát triển KT-XH ở địa phương.			đoàn, Sở Xây dựng và các địa phương, đơn vị có liên quan.	
4.1	Dự án tái định cư vùng Tây Triệu Thượng	Điều chuyển 100 hộ dân của xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong nằm trong vùng sạt lở ven sông Thạch Hãn vào vùng quy hoạch tập trung	Xây dựng khu dân cư mới nằm dọc trục đường Triệu Phước, Tân Xuân, Trám thuộc xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong với diện tích quy hoạch là 100 ha.		2010-2011	Huyện Triệu Phong	ƯT1
4.2	Dự án tái định cư vùng Tây Đông Hà	Điều chuyển 60 hộ dân các vùng sạt lở ven sông Lai Phước và vùng ngập lụt các phường Đông Lương, Đông Lễ, Đông Giang, Đông Thanh đến định cư và phát triển kinh tế.	- Địa điểm xây dựng: Phường 3, thành phố Đông Hà; - Diện tích quy hoạch: 50 ha.		2011-2012	Thị xã Đông Hà	ƯT2
4.3	Dự án tái định cư Triệu Giang	Điều chuyển 100 hộ dân của xã nằm trong vùng sạt lở ven sông Thạch Hãn và	- Địa điểm xây dựng: Thôn Phước Mỹ; xã Triệu Giang, huyện Triệu		2010-2011	Huyện Triệu Phong	ƯT1

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
		vùng thường xuyên ngập lụt nặng đến định cư, phát triển kinh tế.	Phong; - Diện tích quy hoạch: 50 ha.				
4.4	Dự án tái định cư Cam Hiếu	Điều chuyển 70 hộ dân của xã nằm trong vùng sạt lở đến định cư và phát triển kinh tế.	- Địa điểm xây dựng: Xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ; - Diện tích quy hoạch: 80 ha.		2012-2013	Huyện Cam Lộ	ƯT2
4.5	Dự án tái định cư vùng Cu Pua	Di dời 36 hộ dân của xã nằm trong vùng sạt lở đồi núi đến định cư và phát triển kinh tế.	- Địa điểm xây dựng: Thôn Cu Pua, xã Đakrông, huyện Đakrông; - Diện tích quy hoạch: 17 ha.		2010-2011	Huyện Đakrông	ƯT1
4.6	Dự án tái định cư Cam Thủy	Điều chuyển 50 hộ dân của xã nằm trong vùng sạt lở đến định cư và phát triển kinh tế.	- Địa điểm xây dựng: Xã Cam Thủy, huyện Cam Lộ; - Diện tích quy hoạch: 60 ha.		2013-2014	Huyện Cam Lộ	ƯT3
4.7	Dự án tái định cư Vĩnh Long	Điều chuyển 60 hộ dân của xã nằm trong vùng ngập lụt nặng đến định cư và phát triển kinh tế.	- Địa điểm xây dựng: Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh; - Diện tích quy hoạch: 6 ha.		2014-2015	Huyện Vĩnh Linh	ƯT3
4.8	Dự án tái định cư Khu Kinh tế Bắc Thành CỎ	Điều chuyển 80 hộ dân nằm trong vùng sạt lở ven sông Thạch Hãn, Vĩnh Định và vùng ngập lụt nặng của phường An Đôn đến định cư và phát triển kinh tế.	- Địa điểm xây dựng: Phường An Đôn, thị xã Quảng Trị; - Diện tích quy hoạch: 3 ha.		2010-2011	Thị xã Quảng Trị	ƯT2

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
4.9	Dự án tái định cư Vùng Trầm, Hương Lộc.	Điều chuyển 74 hộ dân nằm trong vùng thiên tai đến định cư và phát triển kinh tế.	- Địa điểm xây dựng: Bản Trầm, xã Hương Lộc, huyện Hương Hóa; - Diện tích quy hoạch: 130 ha.		2014-2015	Huyện Hương Hóa	ƯT3
4.10	Dự án tái định cư Khu Cây Trâm, Hải Lệ.	Điều chuyển 80 hộ dân nằm trong sạt lở ven sông Thạch Hãn nặng đến định cư và phát triển kinh tế.	- Địa điểm xây dựng: Xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị; - Diện tích quy hoạch: 27 ha.		2014-2015	Thị xã Quảng Trị	ƯT3
4.11	Dự án tái định cư Ái Tử - Trù Lâu.	Điều chuyển 50 hộ dân nằm trong vùng ngập lụt nặng đến định cư và phát triển kinh tế.	- Địa điểm xây dựng: Xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong. - Diện tích quy hoạch: 50 ha.		2010-2012	Huyện Triệu Phong	ƯT2
5	Dự án sắp xếp, bố trí dân cư tại chỗ cho vùng thường xuyên bị ngập lụt sâu trên địa bàn 02 huyện Triệu Phong và Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1			700	2010-2015		ƯT1
	Sắp xếp, bố trí dân cư tại chỗ cho vùng thường xuyên bị ngập lụt với tổng số là 7.211 hộ của 11 xã trên địa bàn 02 huyện Triệu Phong, Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.	Ổn định dân cư tại chỗ những vùng thường xuyên bị ngập lụt, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản của nhân dân do thiên tai gây ra, ổn định đời sống, phát triển sản xuất, giữ vững quan hệ sản xuất ở nông thôn, đảm bảo an ninh quốc phòng, thực hiện xây dựng nông thôn mới một cách bền	- Hàng năm, thiên tai gây thiệt hại rất lớn đến địa bàn 02 huyện Hải Lăng và Triệu Phong (Đây là địa bàn trọng điểm về thiên tai, lụt, bão của tỉnh). Với phương châm “Chủ động phòng, tránh, thích nghi để phát triển” và “Sống chung với lũ, bão”, dự án tiến hành sắp			- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Phối hợp: Huyện Triệu Phong, Hải Lăng và các Sở, Ban, ngành liên quan	

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
		vững theo tinh thần của Nghị quyết số 26 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.	<p>xếp, bố trí dân cư tại chỗ cho vùng thường xuyên bị ngập lụt với tổng số là 7.211 hộ của 11 xã trên địa bàn 02 huyện Triệu Phong, Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, gồm:</p> <p>+ Huyện Triệu Phong: Xã Triệu Thành 831 hộ, xã Triệu Thượng 653 hộ, xã Triệu Long 1.540 hộ, xã Triệu Giang 1.031 hộ;</p> <p>+ Huyện Hải Lăng: Xã Hải Hòa 440 hộ, xã Hải Thành 553 hộ, xã Hải Quế 170 hộ, xã Hải Thọ 221 hộ, xã Hải Trường 954 hộ, xã Hải Chánh 278 hộ, xã Hải Tân 540 hộ.</p> <p>- Các biện pháp: Tôn nền nhà, nâng nhà cho các hộ có mức ngập lụt từ 01 m trở xuống; xây dựng phòng, tránh lũ, lụt đối với các hộ có mức ngập lụt từ 01 m trở lên;</p>				

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
			hỗ trợ cộng đồng để nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi (Giao thông, trụ sở làm việc, trạm y tế, trường học, nhà tránh lũ cộng đồng,...) đạt chuẩn nông thôn mới để đảm bảo cho nhân dân tránh lũ, lụt và phục vụ sản xuất, đời sống một cách liên tục; hỗ trợ phương tiện đi lại trong mùa mưa lũ (Thuyền, ghe, ca nô, phao cứu sinh, ...); các giải pháp khác để ổn định phát triển sản xuất.				
6	Dự án di dời dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét và sạt lở đất thôn Húc Nghì, xã Húc Nghì và một số xã khác ở huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị			57	2010-2011		ƯT1
	Di dời khẩn cấp 150 hộ dân của 07 xã thuộc huyện Đakrông ra khỏi vùng nguy hiểm của lũ quét, sạt lở đất đến nơi định cư mới, an toàn về tính mạng, tài sản; đảm	Đảm bảo cho 150 hộ dân bị thiệt hại nặng (Mất nhà ở, tư liệu sản xuất, bị uy hiếp về tính mạng, ...) do ảnh hưởng cơn bão số 9 năm 2009 gây ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi định cư mới an toàn về tính mạng, tài sản; đảm bảo phát	- Bão số 9 và mưa lũ sau bão năm 2009 đã ảnh hưởng trực tiếp và gây thiệt hại nặng nề cho cộng đồng người dân ở lưu vực thượng nguồn sông Thạch Hãn thuộc huyện Đakrông. Dự án			- Chủ trì: Chi cục PTNT-Sở Nông nghiệp và PTNT. - Phối hợp: Huyện Đakrông	

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
	bảo phát triển sinh kế bền vững trong tương lai.	triển sinh kế bền vững trong tương lai.	tiến hành di dời khẩn cấp 150 hộ dân của 07 xã thuộc huyện Đakrông ra khỏi vùng nguy hiểm của lũ quét, sạt lở đất đến nơi định cư mới, gồm: Xã Húc Nghì: 50 hộ dân, xã Tà Long: 27 hộ dân, xã Đakrông: 12 hộ dân, xã Tà Rụt: 19 hộ dân, xã A Ngo: 22 hộ dân, Xã A Vao: 13 hộ dân, xã A Bung: 07 hộ dân; - Phương án di dời: Di dời dân tại chỗ nội thôn, nội xã, nội huyện; - Địa điểm xây dựng: Thôn Húc Nghì, xã Húc Nghì và các xã khác của huyện Đakrông.			và các Sở, ban ngành liên quan.	
7	Chương trình xây dựng hệ thống các khu neo đậu cho tàu thuyền tránh trú bão	Đảm bảo an toàn tàu, thuyền khi thiên tai xảy ra.	- Xây dựng hệ thống khu neo đậu, tránh, trú bão Cửa Việt (Bao gồm phía Nam và phía Bắc Cửa Việt).	100	2010- 2012	- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Phối hợp: Sở Giao thông,	ƯT1

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
						Xây dựng, Tài nguyên-Môi trường và các ngành, địa phương liên quan.	
8	Tiểu dự án củng cố, nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường tỉnh lộ			194	2010-2015		
		Đảm bảo giao thông, đi lại thuận tiện, dễ dàng trong mùa mưa lũ, phục vụ cho công tác ứng cứu, sơ tán dân khi thiên tai xảy ra.	Sửa chữa, nâng cấp chất lượng 07 tuyến đường giao thông tỉnh lộ đã bị xuống cấp, hư hỏng do thiên tai gây ra.				
8.1	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường 68 (ĐT581)	Sửa chữa, nâng cấp nền, mặt đường; xây dựng hệ thống thoát nước dọc với chiều dài 5,2km	Vị trí: K1+312-K3+500: 2,2km đoạn qua thị xã Quảng Trị; Km11+500 - Km14+500: 3km đoạn qua xã Triệu Trung, huyện Triệu Phong	20	2010-2012	Sở Giao thông-Vận tải	ƯT1
8.2	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường 64 (ĐT580)	Sửa chữa, nâng cấp nền, mặt đường với chiều dài 3 km	Vị trí: Km 9+500 - Km12+500: 3km đoạn tuyến qua xã Triệu Phước, Triệu Trạch, Triệu Vân, huyện Triệu Phong.	5	2010-2012	Sở Giao thông-Vận tải	ƯT1
8.3	Sửa chữa,	Sửa chữa, nâng	Vị trí:	80	2010-	Sở Giao	ƯT2

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
	nâng cấp tuyến đường Hải Thượng - Hải Sơn (ĐT584)	cấp nền, mặt đường và cầu với chiều dài 17,5km	Km0+000 - Km17+500: 17,5km (Tuyến đường nối xã Hải Thượng đi qua xã Hải Lâm, Hải Thọ, Hải Trường đến xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng)		2015	thông- Vận tải	
8.4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Ba Lòng - Hải Phúc (ĐT588a)	Sửa chữa, nâng cấp nền, mặt đường dài 3,05 km và 02 cống.	Vị trí: Km7+200 - Km10+250: 3,05km; xây dựng cống bản KĐ 2m: K7+580; xây dựng cống tròn đường kính 100: Km5+353 (Đoạn đường nối xã Mò Ó đi xã Triệu Nguyên, huyện Đakrông)	10	2010- 2012	Sở Giao thông- Vận tải	UT1
8.5	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường ĐT575b	Sửa chữa, nâng cấp nền, mặt đường, gia cố lề đường với chiều dài 12,4km	Vị trí: Km0+000 - Km12+400: 12,4km (Tuyến đường nối thị trấn Gio Linh đi xã Gio Sơn lên nghĩa trang Trường Sơn, huyện Gio Linh).	25	2010- 2015	Sở Giao thông- Vận tải	UT2
8.6	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường 76 (ĐT576)	Sửa chữa, nâng cấp nền, mặt đường với chiều dài 15km	Vị trí: Km0+500 - Km15+000: 15km (Tuyến đường nối xã Trung Sơn đi xã Gio Sơn, huyện	30	2010- 2015	Sở Giao thông- Vận tải	UT2

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
			Gio Linh).				
8.7	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường 73 (ĐT578)	Sửa chữa, nâng cấp nền, mặt đường và cống với chiều dài 12km	Vị trí: Km0+500 - Km12+000: 12km (Tuyến đường nối xã Gio Quang đi xã Hải Thái, huyện Gio Linh)	24	2010-2012	Sở Giao thông-Vận tải	U'1
9	Tiểu dự án nạo vét các sông đảm bảo tiêu thoát lũ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị			500	2010-2016	Sở Nông nghiệp và PTNT	UT2
9.1	Nạo vét sông cụ Vĩnh Định; sông Cánh Hòm, sông Ô Lâu	Chống bồi lấp sông, sạt lở bờ sông; tăng khả năng tiêu thoát lũ, chống ngập úng nội đồng, ngập lũ kéo dài gây đảm bảo ổn định đời sống nhân dân.	Tổng chiều dài nạo vét: 100,4km, trong đó: - Sông cụ Vĩnh Định: 42,9km - Sông Cánh Hòm: 27,5km - Sông Ô Lâu: 30km	500	2010-2016	Sở Nông nghiệp và PTNT	UT2
10	Dự án sắp xếp, bố trí dân cư tại chỗ cho vùng thường xuyên bị ngập lụt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2			2.300	2014-2020		U'2
	Sắp xếp, bố trí dân cư tại chỗ cho vùng thường xuyên bị ngập lụt với tổng số là 23.340 hộ của 06 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	Ổn định dân cư tại chỗ những vùng thường xuyên bị ngập lụt, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản của nhân dân do thiên tai gây ra, ổn định đời sống, phát triển sản xuất, giữ vững quan hệ sản xuất ở nông thôn, đảm bảo an ninh quốc phòng, thực hiện xây dựng	Thiệt hại do lụt, bão gây ra hàng năm trên địa bàn tỉnh là rất lớn. Tuy nhiên, hiện nay không có nhiều địa bàn thuận lợi cho việc lập dự án di dời dân tập trung để tránh lũ, lụt. Mặt khác cộng đồng đã gắn bó với thôn, xóm của họ từ lâu đời, họ có cuộc			- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Phối hợp: Các địa phương và các Sở, Ban, ngành liên quan.	

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
		nông thôn mới một cách bền vững theo tinh thần của Nghị quyết số 26 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.	sống ổn định và là lực lượng trực tiếp khai thác và sử dụng diện tích đất tại chỗ. Để giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, lụt, bão gây ra, với phương châm “Chủ động phòng, tránh, thích nghi để phát triển” và “Sống chung với lũ, bão”, dự án tiến hành sắp xếp, bố trí dân cư tại chỗ cho vùng thường xuyên bị ngập lụt với tổng số là 23.340 hộ của 06 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, gồm: + Huyện Triệu Phong: 11.896 hộ; + Huyện Hải Lăng: 3.410 hộ; + Huyện Gio Linh: 1.620 hộ; + Huyện Cam Lộ: 2.223 hộ; + Thị xã Quảng Trị: 705 hộ; + Thành phố Đông Hà: 3.486 hộ; - Các biện pháp: Tôn nền nhà,				

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
			<p>nâng nhà cho các hộ có mức ngập lụt từ 01m trở xuống; xây dựng phòng, tránh lũ, lụt đối với các hộ có mức ngập lụt từ 01m trở lên; hỗ trợ cộng đồng để nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi (Giao thông, trụ sở làm việc, trạm y tế, trường học, nhà tránh lũ cộng đồng,...) đạt chuẩn nông thôn mới để đảm bảo cho nhân dân tránh lũ, lụt và phục vụ sản xuất, đời sống một cách liên tục; hỗ trợ phương tiện đi lại trong mùa mưa lũ (Thuyền, ghe, ca nô, phao cứu sinh, ...); các giải pháp khác để ổn định phát triển sản xuất.</p>				
11	Tiểu dự án công trình ngăn mặn trên sông Hiếu:			300	2011- 2015		ƯT2
						Sở Nông nghiệp và PTNT. - Phối hợp: Các địa phương và các	

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
						Sở, Ban, ngành liên quan.	
B	BIỆN PHÁP PHI CÔNG TRÌNH:			469,6	2010- 2020		
1	Chương trình hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn, thi hành pháp luật, cơ chế, chính sách			0,6	2010- 2011		
1.1	Rà soát các chính sách cứu trợ phục hồi sau thiên tai	Nhằm khắc phục nhanh thiệt hại do thiên tai gây ra. Đảm bảo sớm ổn định về đời sống và sản xuất của nhân dân. Mục tiêu cơ bản là không để nhân dân đói, rét, thiếu mặc sau thiên tai.	Ban hành các chế độ, chính sách cứu trợ, phục hồi đời sống, sinh hoạt nhân dân địa phương như chính sách hỗ trợ người chết, bị thương; nhà sập, tóc mái xiêu vẹo...	0,2	2010- 2011	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	U ^T 1
1.2	Rà soát các chính sách hỗ trợ vùng thường xuyên bị thiên tai	Đảm bảo phát triển kinh tế, xã hội địa phương vùng thường xuyên bị thiên tai bền vững.	Ban hành các chính sách hỗ trợ, đầu tư vùng thường xuyên bị thiên tai	0,2	2010- 2011	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	U ^T 1
1.3	Xây dựng và ban hành quy chế lồng ghép quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch của các cấp, các ngành.	Đảm bảo công tác quản lý rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu được lồng ghép vào kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh nói chung và các cấp, các ngành nói riêng.	Phối hợp với các đơn vị liên quan để xây dựng và trình UBND tỉnh ra quyết định ban hành quy chế quy định cụ thể công tác lồng ghép thiên tai	0,2	2010- 2011	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Văn phòng Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh	U ^T 1
2	Kiện toàn tổ chức, bộ máy và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ			1,2	2010 - 2012		
2.1	Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ	Phấn đấu đến năm 2012 đảm bảo 100% cán bộ chính quyền địa	- Biên soạn tài liệu, thuê chuyên gia, đào tạo đội ngũ tập	1,2	2010 - 2012	Văn phòng Ban Chỉ huy	U ^T 1

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
	làm công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai	phương các cấp (Từ tỉnh đến huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn, thôn, bản) trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.	huấn viên; - Phổ biến những kiến thức về thiên tai, mức rủi ro, tổn thất và tác động của từng loại hình thiên tai đến cộng đồng, kinh tế - xã hội của địa phương; - Phổ biến cách thức phòng, tránh các loại hình thiên tai; công tác trực ban, thông tin, thu thập số liệu, tổng hợp báo cáo; công tác đánh giá, khắc phục thiệt hại; công tác quản lý thiên tai phù hợp với biến đổi khí hậu hiện nay.			PCLB và TKCN tỉnh.	
3	Lập và rà soát quy hoạch			38,5	2010 - 2014		
3.1	Lập bản đồ phân vùng nguy cơ xảy ra lũ quét	- Phục vụ công tác chỉ huy, chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCLB & TKCN các cấp. - Phục vụ công tác cảnh báo sớm, công tác sơ tán dân, chủ động trong công tác phòng, tránh của địa phương.	- Điều tra những vùng thường xuyên xảy ra lũ quét; - Tạo lập bản đồ cảnh báo, dự báo bằng bản đồ giấy, công nghệ phần mềm; - Lắp đặt hệ thống đo mưa nhân dân.	1,0	2010 - 2012	Sở Khoa học và Công nghệ	ƯT2
3.2	Lập bản đồ	- Phục vụ công	- Khảo sát, điều	5,0	2010 -	Sở Khoa	ƯT1

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
	phân vùng ngập lụt, đánh giá rủi ro do lũ lụt.	tác chỉ huy, chỉ đạo của địa phương; - Định hướng trong sản xuất nông nghiệp, công tác phòng, tránh và công tác sơ tán dân cho các vùng ngập lụt. .	tra địa hình toàn tỉnh; - Lập bản đồ ngập lụt của tỉnh, huyện, thị xã; - Hệ thống mốc báo lũ; - Cảnh báo sớm cho các vùng ngập lụt; - Dự báo số lượng dân cư bị ngập lụt, độ sâu ngập lụt, khả năng thiệt hại về đời sống, kinh tế- xã hội.		2011	học và Công nghệ	
3.3	Lập bản đồ phân vùng đánh giá rủi ro hạn hán	- Phục vụ công tác chỉ huy, chỉ đạo của địa phương - Định hướng trong sản xuất nông nghiệp, công tác phòng, chống cho các vùng hạn hán.	- Điều tra vùng thường xuyên xảy ra hạn hán: + Mức độ, thời gian; + Thiệt hại về kinh tế- xã hội. - Đánh giá nguồn nước. - Lập quy hoạch xây dựng công trình cấp nước cho các vùng hạn hán. - Lập bản đồ hạn hán.	2,0	2010 - 2011	Sở Nông nghiệp và PTNT	ƯT1
3.4	Lập bản đồ xác định nguy cơ sóng thần	- Phục vụ công tác chỉ huy, chỉ đạo khi có nguy cơ sóng thần xảy ra trong tương lai. - Có phương án chi tiết về sơ tán dân.	- Điều tra, khảo sát thực tế, thông tin lịch sử của địa phương và các tỉnh khác trong khu vực; điều tra mức độ ảnh hưởng đã	0,5	2012 - 2014	Sở Tài nguyên và Môi trường	ƯT3

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
			có trong lịch sử và dự báo trong tương lai; - Lập bản đồ khoanh vùng nguy cơ sóng thần, địa điểm sơ tán đến.				
3.5	Lập bản đồ xác định nguy cơ bão, nước dâng	- Phục vụ công tác chỉ huy, chỉ đạo; - Phục vụ công tác sơ tán dân và tài sản; - Bảo vệ tài nguyên đất ven biển; - Bảo vệ các công trình, khu du lịch ven biển.	- Điều tra, khảo sát vùng đã xảy ra hoặc có nguy cơ bão, nước dâng; - Lập bản đồ và lồng ghép vào bản đồ ngập lụt của tỉnh; - Nêu phương án chi tiết phòng, chống, sơ tán dân; - Định hướng xây dựng các khu tái định cư mới.	1,0	2010 - 2011	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh	ƯT1
3.6	Lập bản đồ xác định nguy cơ sạt lở bờ sông, bờ biển	- Phục vụ công tác chỉ huy, chỉ đạo; - Phục vụ công tác sơ tán dân và tài sản; - Bảo vệ tài nguyên đất ven sông, ven biển; - Bảo vệ các công trình, dân cư.	- Điều tra, khảo sát các vùng bị sạt lở; - Báo cáo hiện trạng; - Cảnh báo nguy cơ mở rộng các vùng; - Các điều kiện về an sinh xã hội; - Xây dựng bản đồ nguy cơ sạt lở.	2,0	2010 - 2011	Văn phòng Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh	ƯT1

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
3.7	Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng chống lũ	<ul style="list-style-type: none"> - Phục vụ công tác chỉ huy, chỉ đạo. - Phục vụ công tác sơ tán dân và tài sản. - Định hướng phòng, chống lũ, lụt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, khảo sát các công trình giao thông, thủy lợi, đê, kè, ...; - Quy hoạch các công trình chống lũ, cắt lũ, trồng rừng; - Quy hoạch khu dân cư vượt lũ, quy mô công trình; - Quy hoạch đất sản xuất nông nghiệp, mùa vụ. 	5,0	2010 - 2011	Sở Nông nghiệp và PTNT	ƯT1
3.8	Rà soát, bổ sung quy hoạch hệ thống đê sông, đê biển, đê cát, kè sông, kè biển	Ngăn mặn, chống lũ tiêu mặn, chống sạt lở, phục vụ sản xuất, dân sinh, kinh tế, tạo cảnh quan môi trường, sinh thái.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, khảo sát và lập quy hoạch xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp, tôn cao, mở rộng mặt, mái, gia cố tuyến đê, kè đảm bảo đảm thiết kế ổn định, vững chắc; - Lập bản đồ công trình thủy lợi và hệ thống đê sông đê biển đã có và dự kiến trong tương lai. 	2,0	2010 - 2011	Sở Nông nghiệp và PTNT	ƯT1
3.9	Rà soát, bổ sung quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ bờ biển, ven biển	Chống xói lở bờ biển, chống hiện tượng cát bay, cát lấp.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, lập dự án; - Triển khai trồng rừng (2.000 ha); - Tổng hợp, báo cáo kết quả. 	12,0	2010 - 2014	Sở Nông nghiệp và PTNT	ƯT2
3.10	Rà soát, bổ	Đưa ra mẫu nhà	- Điều tra hiện	0,5	2010 -	Sở Xây	ƯT1

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
	sung quy hoạch xây dựng nhà ở dân cư sống chung an toàn với lũ và bão tỉnh Quảng Trị	thiết kế phù hợp chống bão, chống lũ, quy hoạch các khu tái định cư nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và nhà nước; tận dụng nguồn tài nguyên đất, ... nhằm góp phần phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương.	trạng nhà ở của cư dân trong vùng bị ảnh hưởng thiên tai; - Thiết kế kỹ thuật và ban hành mẫu nhà tiêu chuẩn chống bão, chống lũ phù hợp với đặc thù từng vùng, từng địa phương; - Quy hoạch tái định cư cho cư dân vùng nguy hiểm.		2011	dựng	
3.11	Rà soát, bổ sung quy hoạch dân cư vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở vùng bờ sông, cửa sông, ven biển, lũ quét, trượt lở đất, sụt lún đất.	- Định hướng đầu tư, xây dựng công trình chống sạt lở, bảo vệ khu dân cư, đất sản xuất nông nghiệp, công trình cơ sở hạ tầng. - Quy hoạch khu tái định cư cho các hộ dân ở các điểm sạt lở nguy hiểm đến tính mạng và tài sản.	- Điều tra, khảo sát thực địa các điểm thiên tai; đánh giá tình hình dân cư để đề ra kế hoạch di dời dân; - Khảo sát và lập bản đồ địa chất, thổ nhưỡng; - Quy hoạch các khu tái định cư mới; - Quy hoạch đất sản xuất nông nghiệp, khu du lịch, khu công nghiệp; - Lập quy hoạch dự án xây dựng các công trình chống sạt lở.	6,0	2010 - 2012	Sở Tài nguyên & Môi trường	UT2

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
3.12	Rà soát, bổ sung quy hoạch sử dụng đất gắn với nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.	Nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và nhà nước; xây dựng các làng nghề, tạo công ăn việc làm cho người dân; tận dụng nguồn tài nguyên đất, ... nhằm góp phần phát triển KT-XH ở địa phương.	- Tổ chức điều tra, khảo sát, lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất gắn với nhiệm vụ phòng, chống thiên tai; - Khảo sát các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai; chọn lựa quỹ đất phù hợp, an toàn để đầu tư xây dựng công trình hạ tầng cơ sở nhằm ổn định và phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.	1,5	2010 - 2012	Sở Tài nguyên và Môi trường	UT2
4	Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo cấp tỉnh			57,0	2010-2012		
4.1	Tiểu dự án: nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo trong công tác quản lý, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai	Chủ động trong công tác quản lý thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh với mục tiêu cụ thể là chủ động trong công tác dự báo, cảnh báo, điều hành, ứng phó với các loại hình thiên tai nhằm giảm nhẹ đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra	- Nâng cao năng lực thiết bị thông tin cho Ban Chỉ huy PCLB & TKCN các cấp, ngành. - Nâng cao năng lực thiết bị thông tin cho 05 trạm thủy văn dùng riêng và 10 hồ chứa vừa và lớn của tỉnh. - Tổ chức tập huấn, chuyên gia công nghệ, đào tạo và bổ sung kiến thức cho đội ngũ cán	5,0	2010-2011	Văn phòng Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh	UT1

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
			bộ trực tiếp làm công tác dự báo, cảnh báo thiên tai và đội ngũ cán bộ trực tiếp thu thập và xử lý thông tin các cấp.				
4.2	Tiểu dự án Hệ thống thông tin quản lý tàu cá xa bờ	Chủ động trong công tác quản lý thông tin trên biển, trên bờ nhằm mục đích quản lý, cảnh báo, dự báo các loại hình thiên tai xảy ra trên biển để chủ động trong công tác cứu hộ, cứu nạn và công tác chủ động ứng phó của ngư dân nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và nhà nước	<p>- Lắp đặt hoàn thiện một trung tâm điều hành trên đất liền, bao gồm: Thiết bị và phần mềm;</p> <p>- Lắp đặt thiết bị kết nối trên 42 tàu cá xa bờ (Trong đó đã có 18 tàu trang bị máy vô tuyến điện công nghệ HF).</p> <p>Mục đích: Xác định được vị trí tàu cá trên biển; theo dõi tốc độ và hướng di chuyển của tàu cá trên bản đồ số; thông tin dự báo thời tiết và cảnh báo tàu thuyền trong vùng nguy hiểm; cảnh báo tự động, cảnh báo thủ công, cảnh báo va chạm, dẫn đường cho tàu thuyền.</p>	2,0	2010 - 2011	Sở Thông tin và Truyền thông	UT1

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
4.3	Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo lũ lụt, lũ quét và các loại hình thiên tai khác ở cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Chung: Phục vụ công tác chỉ huy, chỉ đạo; phục vụ công tác sơ tán dân và tài sản; định hướng phòng, chống thiên tai; - Cụ thể: Nâng thời gian cảnh báo lũ trước 48h, nâng thời gian dự báo lũ chính xác cho vùng đồng bằng trước 18h và trước 12h đối với loại hình lũ quét; dự báo cực ngắn các hiện tượng mưa đá, dông tố, lốc xoáy, gió mạnh và mưa lớn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lập dự án sửa chữa, nâng cấp, tự động hoá các trạm KTTV đã có; - Lập các trạm đo mưa nhân dân; - Lập thêm các trạm khí tượng-thủy văn; - Nâng cấp, tự động hoá trang thiết bị; - Nâng cao năng lực dự báo thiên tai cho dự báo viên; - Xây dựng công nghệ dự báo tiên tiến, khoa học. 	50	2010 - 2012	Văn phòng Ban Chỉ huy PCLB & TKCN tỉnh và Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Quảng Trị.	ƯT1
5	Nâng cao nhận thức cộng đồng			6,2	2010-2020		
5.1	Đào tạo, tập huấn về thiên tai và biện pháp phòng tránh cho các cộng đồng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai	Phấn đấu đến năm 2015 sẽ có trên 80% số dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai và đến năm 2020 toàn bộ cộng đồng người dân sẽ được phổ biến kiến thức về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.	<ul style="list-style-type: none"> - Biên soạn tài liệu, sách về kiến thức và kỹ năng phòng, tránh thiên tai cho cộng đồng; - Tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về thiên tai, mức rủi ro, tổn thất, tác động và cách thức phòng, tránh của từng loại hình thiên tai đến cộng đồng, 	5,0	2010-2020	Văn phòng Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh; Hội CTĐ tỉnh	ƯT1

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
			kinh tế - xã hội của địa phương.				
5.2	Tổ chức thông tin, tuyên truyền về thiên tai thông qua hệ thống thông tin đại chúng của Tỉnh.	Nâng cao ý thức trách nhiệm cho từng cán bộ, nhân viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang và cộng đồng người dân, tránh tư tưởng chủ quan coi nhẹ công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.	Lập các chương trình, chuyên mục và tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng.	1,2	2010- 2020	Văn phòng Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh; Hội CTĐ tỉnh và Đài Phát thanh-Truyền hình	ƯT1
6.	Chương trình trồng và bảo vệ rừng phòng hộ:			84,0	2010- 2016		
6.1	Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn.	- Khôi phục, trồng mới, bảo vệ rừng đầu nguồn, phân đấu tăng độ che phủ của rừng đầu nguồn để điều tiết lũ và làm giảm lũ vùng hạ lưu. - Mục tiêu phấn đến năm 2015 sẽ trồng mới thêm 14.000 ha rừng để phủ trồng diện tích đất trống, đồi núi trọc	- Khảo sát những khu vực đất còn trống chưa trồng rừng; - Tổ chức thực hiện trồng rừng và chăm sóc (Mỗi năm phân đấu trồng 2.000 ha rừng).	84,0	2010- 2016	- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Phối hợp: Các địa phương liên quan..	ƯT1
7	Chương trình tăng cường năng lực quản lý thông tin và ứng cứu, khắc phục			302,1	2010 - 2020		
7.1	Tăng cường năng lực cho lực lượng tìm kiếm cứu nạn của tỉnh	Phục vụ công tác ứng cứu, cứu hộ, cứu nạn kịp thời, có hiệu quả.	- Kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự, lực lượng; - Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; - Xây dựng cơ	100,0	2010 - 2020	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	ƯT2

TT	Dự án/ Hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược	Chi phí dự kiến	Thời gian	Cơ quan phụ trách	Xếp hạng ưu tiên
			sở vật chất, mua sắm trang thiết bị (Tàu lớn, dụng cụ cứu hộ,...).				
7.2	Hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai	- Đảm bảo 100% các xã, phường, thị trấn đến năm 2015 đều có dịch vụ viễn thông (điện thoại, fax, ...); - Mục tiêu năm 2010 sẽ thành lập và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống quản lý thông tin tàu cá của tỉnh; phấn đấu đến năm 2012 đảm bảo 100% tàu thuyền đánh bắt xa bờ và đến năm 2015 đảm bảo 100% tàu thuyền trung bờ có đủ thiết bị thông tin liên lạc, dụng cụ cứu hộ, cứu nạn.	Quy hoạch phát triển viễn thông; Xây dựng các điểm bưu điện cấp xã, phường; tạo lập các trang web chuyên đề phòng chống thiên tai; xây dựng đài VTD trên bờ; hỗ trợ trang thiết bị thông tin liên lạc nghề cá.	200,0	2010 - 2020	Các địa phương, các ngành	UT2
7.3	Tổ chức lực lượng tình nguyện viên tham gia trong công tác phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai	- Nâng cao năng lực tìm kiếm cứu nạn ở địa phương. - Nâng cao kiến thức, khả năng phòng, chống thiên tai của cộng đồng.	- Tuyên truyền, giải thích cho cộng đồng biết về các loại hình thiên tai và các biện pháp phòng, tránh; - Tham gia giúp đỡ cộng đồng chủ động phòng tránh và tham gia cứu hộ, cứu nạn.	2,1	2010 - 2015	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	UT1

Tổng số kinh phí cần đầu tư khẩn cấp cho công tác quản lý, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là: 8.167,6 tỷ đồng (Tám ngàn, một trăm sáu mươi bảy tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn), trong đó:

- Biện pháp công trình: 7.678 tỷ đồng;
- Biện pháp phi công trình: 489,6 tỷ đồng.